

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

Đắk Lắk, tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

HỒ SƠ PHÁP LÝ PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐÍNH KÈM	4
CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	5
CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	6
1. Các văn bản quy phạm pháp luật về việc cổ phần hóa	6
2. Các văn bản pháp lý liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk	6
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	8
1. Tổng quan về Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk	8
1.1. Giới thiệu về Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk	8
1.2. Ngành nghề kinh doanh	8
1.3. Quá trình hình thành và phát triển	10
1.4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý	11
2. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trước cổ phần hóa	15
2.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	15
2.2. Nguyên vật liệu	17
2.3. Chi phí sản xuất.....	18
2.4. Thị trường	18
2.5. Trình độ công nghệ	18
2.6. Hệ thống quản lý chất lượng	19
2.7. Hoạt động marketing.....	19
2.8. Tình hình đầu tư phát triển giai đoạn 3 năm trước cổ phần hóa	19
3. Thực trạng của công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.....	20
3.1. Thực trạng về tài sản	20
3.2. Thực trạng về tài chính, công nợ	21
3.3. Thực trạng về quản lý và sử dụng đất	21
3.4. Thực trạng sử dụng nguồn nhân lực	29
3.5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa	29
4. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	32
4.1. Vị thế của Công ty trong ngành	32
4.2. Triển vọng phát triển của ngành	32
4.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	33
5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và các vấn đề cần tiếp tục xử lý.....	33
5.1. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	33
5.2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp.....	34
5.3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	35
5.4. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý	37
PHẦN II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	40
1. Hình thức cổ phần hóa	40



2. Mục tiêu cổ phần hóa.....	40
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa.....	40
4. Thông tin về Công ty cổ phần.....	40
5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	41
6. Phương thức chào bán cổ phần.....	43
6.1. Bán cổ phần cho người lao động.....	43
6.2. Bán cổ phần cho Tổ chức Công đoàn.....	46
6.3. Bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược.....	47
6.4. Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO).....	47
7. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần.....	48
7.1. Chi phí cổ phần hóa.....	48
7.2. Quản lý và sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa.....	50
PHẦN III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA.....	51
1. Phương án tổ chức Công ty.....	51
1.1. Đại hội đồng cổ đông.....	51
1.2. Hội đồng quản trị.....	51
1.3. Ban kiểm soát.....	51
1.4. Ban Giám đốc.....	52
1.5. Các phòng ban chức năng.....	52
1.6. Các đơn vị trực thuộc.....	52
1.7. Sơ đồ tổ chức.....	53
2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa.....	54
2.1. Triển vọng phát triển.....	55
2.2. Định hướng phát triển Công ty.....	55
2.3. Kế hoạch kinh doanh của Công ty 3 năm sau cổ phần hóa.....	59
3. Phân tích các rủi ro dự kiến.....	60
3.1. Rủi ro kinh tế.....	60
3.2. Rủi ro pháp lý.....	61
3.3. Rủi ro đặc thù.....	61
3.4. Rủi ro khác.....	61
4. Phương án sắp xếp lại lao động.....	61
5. Phương án sử dụng đất.....	62
6. Kế hoạch đăng ký giao dịch hoặc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.....	73
7. Kết luận và kiến nghị.....	73
PHẦN IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐƯỢC PHÊ DUYỆT.....	74
PHẦN V. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN.....	74

HỒ SƠ PHÁP LÝ PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐÌNH KÈM

1. Các văn bản pháp lý liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk
2. Phương án sử dụng đất
3. Phương án sử dụng lao động
 - a. Danh sách người lao động thường xuyên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (mẫu 1);
 - b. Danh sách người lao động tiếp tục được sử dụng sau khi sắp xếp lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (mẫu 2);
 - c. Danh sách người lao động dôi dư (tuyển dụng trước ngày 21/04/1998) tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (mẫu 4);
 - d. Danh sách người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên làm việc tại doanh nghiệp nhà nước;
 - e. Danh sách người lao động đăng ký mua thêm cổ phần theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần;
 - f. Công văn số 07/CĐ-CN&ĐTXD ngày 20/08/2018 của Công đoàn về việc đăng ký mua cổ phần ưu đãi;
 - g. Biên bản và Nghị quyết Đại hội công nhân viên chức bất thường.
4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, năm 2016, năm 2017, Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2018 và các biên bản kiểm tra của cơ quan thuế
5. Phương án sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019-2021



CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Diễn giải
DAKWACO, Công ty	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
NLĐ	Người lao động
CPH	Cổ phần hóa
TNNH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
XDCB	Xây dựng cơ bản
ĐTXD	Đầu tư xây dựng
BCTC	Báo cáo tài chính
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
GTDN	Giá trị doanh nghiệp
IPO	Đầu giá cổ phần lần đầu ra công chúng
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
BGĐ	Ban giám đốc
ROA	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản
ROE	Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
UBND	Ủy ban nhân dân
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
QSĐĐ	Quyền sử dụng đất
CTCP	Công ty cổ phần
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
Giấy CN ĐKDN	Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp
TDT	Tổng doanh thu
DTT	Doanh thu thuần



CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Các văn bản quy phạm pháp luật về việc cổ phần hóa

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính Phủ về việc Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01/08/2018 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017.

2. Các văn bản pháp lý liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk

- Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 17/05/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk;
- Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 08/06/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk;
- Quyết định số 11/QĐ-BCĐ ngày 20/06/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk;



- Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 17/05/2016 của UBND tỉnh về cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk;
- Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 13/06/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc bổ sung thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk;
- Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa các Công ty TNHH MTV thuộc tỉnh quản lý;
- Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk;
- Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 29/06/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk V/v phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk để cổ phần hóa;
- Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk;
- Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 10/09/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk v/v phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk;
- Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 28/09/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt phương án sử dụng lao động của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk.



PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Tổng quan về Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk

1.1. Giới thiệu về Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk

Tên công ty: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK**

Tên tiếng Anh: **DAKLAK WATER SUPPLY AND CONSTRUCTION ONE – MEMBER LIMITED COMPANY**

Tên viết tắt: **DAKWACO**

Trụ sở chính: **339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk**

Điện thoại: **0262.3852.619**

Website: **www.dakwaco.com.vn**

Logo:



VDL đăng ký: **196.827.177.746 đồng**

VDL thực góp: **183.115.066.895 đồng**

Giấy CN ĐKDN: **Số 6000175995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 28 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04 tháng 07 năm 2014.**

Ngành nghề kinh doanh chính: **Khai thác, xử lý và cung cấp nước – Mã ngành: 3600.**

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 28 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04 tháng 07 năm 2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Khai thác, xử lý và cung cấp nước.</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác, xử lý và cung cấp nước; - Sản xuất và mua bán nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp. 	<p>3600 (Chính)</p>



Stt	Tên ngành	Mã ngành
2	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế công trình cấp, thoát nước; - Quản lý, kiểm tra và giám định chất lượng công trình xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án công trình xây dựng, công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm: công trình cấp, thoát nước, xử lý nước thải, bãi chôn chất thải, nhà máy xử lý rác thải; - Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cấp, thoát nước; - Lập báo cáo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật dự toán công trình xây dựng dân dụng, cấp, thoát nước, xử lý nước thải; - Khảo sát địa chất công trình, khảo sát và thiết kế khai thác mỏ khoáng sản; - Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, thủy lợi, công trình cấp, thoát nước. 	7110
3	Hoàn thiện công trình xây dựng.	4330
4	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.</p> <p>Chi tiết: Mua bán các loại vật tư chuyên ngành cấp thoát nước, xử lý nước thải và rác thải các loại; Các loại máy bơm, thiết bị trong lĩnh vực cấp, thoát nước.</p>	4663
5	<p>Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.</p> <p>Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai.</p>	1104
6	<p>Chuẩn bị mặt bằng.</p> <p>Chi tiết: San ủi mặt bằng xây dựng.</p>	4312
7	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí.	4322
8	<p>Xây dựng công trình công ích.</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoan thăm dò và khai thác nước ngầm; - Thi công và lắp đặt các công trình đường ống cấp, thoát nước; Thi công xây dựng kênh mương, rãnh thoát nước; - Xây dựng trạm bơm, hồ, đập, bể chứa, công trình vệ sinh môi trường và xử lý chất thải rắn; - Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước; - Xây dựng và lắp đặt hệ thống điện dân dụng, hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại, xử lý và tiêu hủy rác thải y tế và rác thải không độc hại khác. 	4220



1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1964	Nha cấp thủy Đắk Lắk (thuộc Quốc gia thủy cục trước đây) được xây dựng năm 1964 với công suất 4.000 m ³ /ngày đêm là tiền thân của Công ty Cấp nước Đắk Lắk hiện nay.
Năm 1975	Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Công ty được chính quyền mới thành lập lấy tên là Nhà máy nước Thị xã Buôn Ma Thuột với chức năng sản xuất và cung cấp nước máy cho trung tâm Thị xã Buôn Ma Thuột với công suất sản xuất và khai thác là 5.000 m ³ /ngày.
Năm 1985	Thực hiện chủ trương chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, Nhà máy nước được Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định đổi tên thành Xí nghiệp Cấp nước Đắk Lắk (Xí nghiệp cấp tỉnh) với chức năng sản xuất và cung ứng nước máy trên địa bàn Thị xã Buôn Ma Thuột với công suất 7.000 m ³ /ngày đêm.
Năm 1993 - 1996	Với sự lớn mạnh của Xí nghiệp đồng thời thực hiện thêm chức năng thoát nước, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Đắk Lắk theo Quyết định số 124/QĐ-UB ngày 03/03/1993 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk và lần lượt được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 101.170 của Trọng tài kinh tế ngày 15/04/1993, Giấy phép Hành nghề xây dựng số 0002/GP-XD của Sở Xây Dựng Đắk Lắk ngày 16/04/1994 và Chứng chỉ hành nghề Tư vấn xây dựng số 300.100.012 của Sở Xây Dựng Đắk Lắk ngày 06/09/1996. Với chức năng nhiệm vụ sản xuất cung ứng nước máy, xây dựng hệ thống cấp thoát nước và tư vấn xây dựng cấp thoát nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh Đắk Lắk đã cùng Công ty đầu tư nâng công suất từ 7.000 m ³ /ngày đêm lên 15.000 m ³ /ngày đêm.
Năm 2006	Với sự lớn mạnh của Công ty cũng như đáp ứng xu thế toàn cầu hóa, Công ty Cấp thoát nước Đắk Lắk chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk theo Quyết định số 98/QĐ-UB ngày 12 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
Năm 2018	Hiện tại, Công ty đang quản lý việc cung cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột với công suất là 49.000m ³ / ngày đêm, đồng thời quản lý 05 huyện trong tỉnh Đắk Lắk là: Thị xã Buôn Hồ, thị trấn Phước An, Thị trấn Cư Mgar, Thị trấn Ea Súp, Thị trấn Ea Kar.

Thành tích đạt được của Công ty:

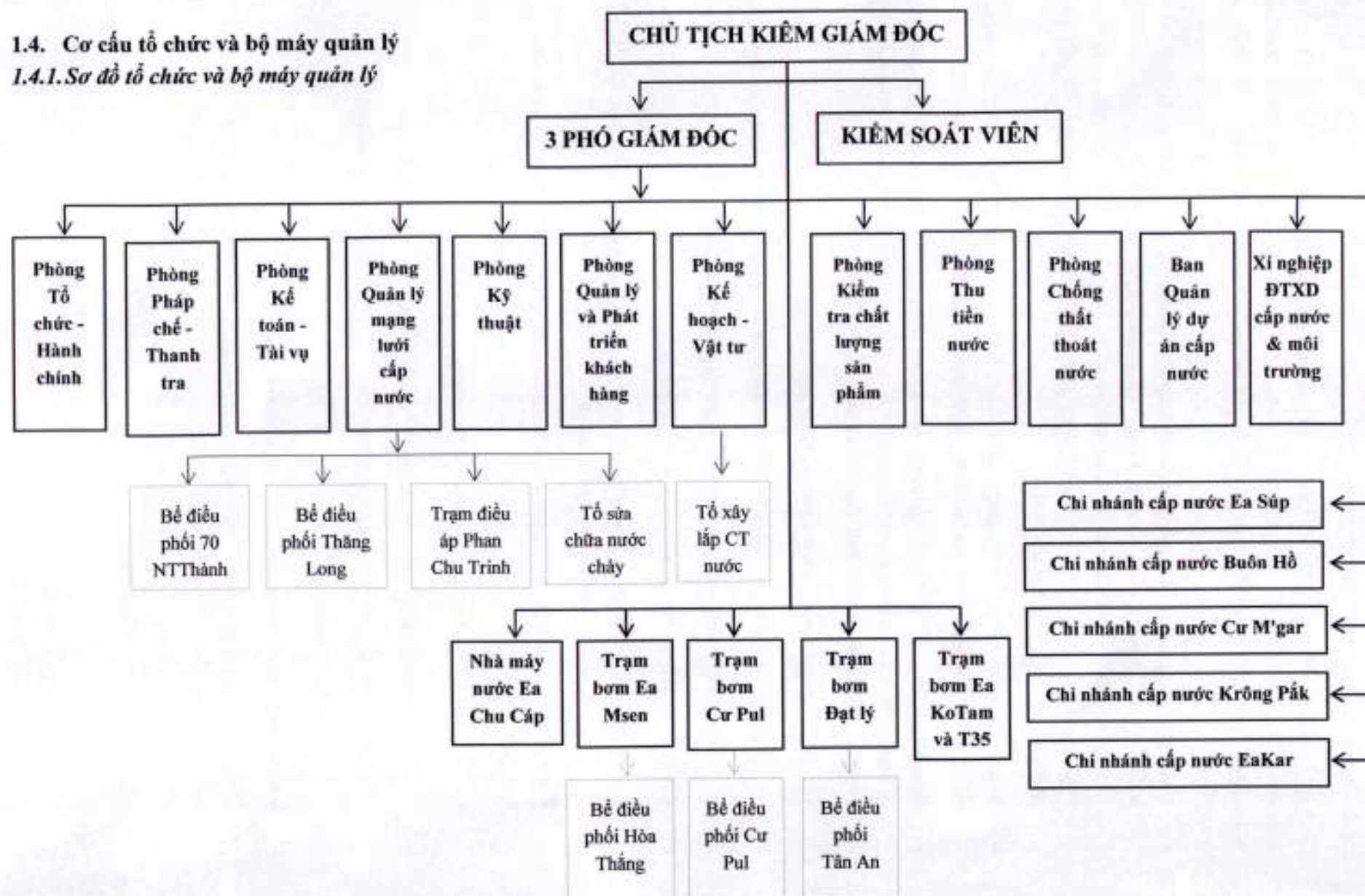
Công ty vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng huân chương lao động danh hiệu cao quý và hàng chục bằng khen, giấy khen. Một số thành tích tiêu biểu của Công ty như sau:

- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2001);
- Giải thưởng chất lượng (năm 2001);
- Giải thưởng Dòng xanh nước Việt (năm 2009).



1.4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý

1.4.1. Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý





1.4.2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý

Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hoạt động độc lập theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- **Chủ tịch công ty:** nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch công ty được quy định tại Điều lệ công ty.
- **Kiểm soát viên:** Có nhiệm vụ giúp chủ sở hữu kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty của Chủ tịch công ty.
- **Ban Giám đốc:** Chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ công ty và các quyết định của Chủ tịch công ty. Ban Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch công ty;
 - Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong công ty, trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;
 - Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;
 - Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
 - Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Chủ tịch công ty;
 - Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - Tuyển dụng lao động.
- **Các phòng ban chức năng:**
 - **Phòng Tổ chức - Hành Chính:** Là phòng nghiệp vụ, có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban giám đốc Công ty về các mặt: Tổ chức cán bộ; Hành chính quản trị và Tổng hợp văn phòng.
 - **Phòng Pháp chế - Thanh tra:**
 - Tham mưu về những vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành.



- Thực hiện chức năng kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng.
- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, hỗ trợ tư pháp cho các Phòng ban, Chi nhánh, Trạm bơm trong những trường hợp cần thiết.
- Phối hợp với các phòng ban xử lý những trường hợp vi phạm về sử dụng nước sạch, đề xuất các phương án xử lý.
- **Phòng Kế toán - Tài vụ:**
 - Tham mưu về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp theo Luật kế toán và các qui định khác của pháp luật hiện hành.
 - Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán - thống kê; Quản lý tài chính, tài sản theo Luật kế toán, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty;
 - Đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch; Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- **Phòng Quản lý mạng lưới cấp nước:**
 - Chủ trì, tham mưu giúp Giám đốc trong công tác vận hành mạng lưới Cấp nước.
 - Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, trạm liên quan xây dựng chế độ bơm Cấp nước về các bể chứa phù hợp với nhu cầu sử dụng nước.
 - Khắc phục, sửa chữa các điểm chảy trên mạng lưới Cấp nước kịp thời.
- **Phòng Kỹ thuật:**
 - Tham mưu, đề xuất các chủ trương, giải pháp về các lĩnh vực quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước và các công trình liên quan.
 - Thực hiện chức năng đánh giá trữ lượng khai thác nước nguồn nước mặt, nước ngầm.
 - Tham mưu kế hoạch cải tạo, phát triển mạng lưới cấp nước theo tháng, quý, năm và nhiệm kỳ.
 - Chủ trì hoặc phối hợp với các phòng ban liên quan về công tác Chống thất thoát nước; An toàn – Vệ sinh – Bảo hộ lao động.
 - Nghiên cứu, đề xuất, tiếp nhận, áp dụng và hỗ trợ các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, trang thiết bị mới trong công tác sản xuất và vận hành hệ thống Cấp nước.
- **Phòng Quản lý và Phát triển khách hàng:**
 - Tham mưu, đề xuất các giải pháp quản lý và phát triển khách hàng. Là đầu mối tiếp nhận và phản ánh ý kiến của khách hàng về chất lượng dịch vụ của Công ty.
 - Quản lý đồng hồ, ghi chỉ số đồng hồ nước hàng tháng.
 - Tham mưu, đề xuất áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào công tác ghi chỉ số đồng hồ nước.



▪ **Phòng Kế hoạch - Vật tư:**

- Lập, quản lý, theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chủ trì thực hiện công tác đầu tư - xây dựng, đấu thầu - giao thầu. Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa và xây dựng mới cơ sở hạ tầng.
- Quản lý, thực hiện và kiểm tra công tác kỹ thuật, thi công nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, khối lượng và hiệu quả kinh tế trong toàn Công ty.

▪ **Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm:**

- Tham mưu, đề xuất các phương án bảo vệ chất lượng nước thô (đầu vào) trên cơ sở pháp luật hiện hành.
- Tham mưu, đề xuất các phương án bảo vệ chất lượng nước trên Hệ thống Cấp nước đạt tiêu chuẩn theo các qui định của Bộ Y tế.

▪ **Phòng Thu tiền nước:**

- Tham mưu, đề xuất các phương án thu tiền nước về cho Công ty theo đúng kế hoạch đề ra.
- Nghiên cứu, đề xuất ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong công tác thu tiền nước. Trên cơ sở tiết kiệm nhân lực và chi phí.

▪ **Phòng Chống thất thoát nước:**

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban liên quan lên các phương án Chống thất thoát nước theo tháng, quý và hàng năm.
- Tham mưu, đề xuất các phương án cải tạo mạng lưới cấp nước.

- **Ban quản lý dự án cấp nước:** có chức năng quản lý đầu tư các dự án xây dựng công trình cấp nước.

⚡ **Các đơn vị trực thuộc:**

- **Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng Cấp nước và Môi trường:** Tư vấn Thiết kế các công trình xây dựng Dân dụng và Công nghiệp; Đo đạc, khảo sát, giám sát kỹ thuật công trình xây dựng; Thí nghiệm thẩm định, thẩm tra công trình xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất; Lập các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, Lập báo cáo tiền khả thi và khả thi; Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

▪ **Các chi nhánh cấp nước:**

- Là đơn vị trực thuộc Công ty, có chế độ hoạch toán phụ thuộc. Hoạt động như một Công ty cấp nước thu nhỏ.
- Chi nhánh chịu sự quản lý của Công ty, hàng tháng Chi nhánh có nhiệm vụ lập báo cáo về tình hình tài chính, doanh thu, số lượng khách hàng... cũng như các khó khăn và tồn tại trong việc quản lý vận hành hệ thống để cho Công ty cập nhật dữ liệu và có hướng giải quyết kịp thời.



- Quản lý, vận hành toàn bộ hệ thống cấp nước sạch và các công trình liên quan trên địa bàn chỉ nhánh quản lý: Hệ thống truyền dẫn, hệ thống phân phối, hệ thống ống nhánh, đồng hồ của khách hàng.
- Tiếp nhận và giải quyết đơn đề nghị lắp đặt mới, đơn cải tạo hệ thống cấp nước của khách hàng theo quy định của Công ty.
- Quản lý và giải quyết các yêu cầu chính đáng của khách hàng theo phân cấp của Công ty.
- Phối hợp với các đơn vị bộ phận trong Công ty để tổ chức thực hiện nhiệm vụ mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch và nâng cao năng lực phục vụ khách hàng trên địa bàn.
- Thiết kế khảo sát các tuyến ống cấp nước có đường kính $D < 34$ mm và do Công ty giao việc.
- **Các trạm bơm:**
 - Sản xuất đạt sản lượng và chất lượng nước theo kế hoạch đề ra.
 - Chủ động trong công tác bảo vệ nguồn nước, tài sản của Công ty. Có kế hoạch sản xuất phù hợp, tiết kiệm nhân công và chi phí.
- **Nhà máy nước:**
 - Tổ chức khai thác và sản xuất nước theo kế hoạch Công ty giao,
 - Tổ chức hạch toán nội bộ về chi phí sản xuất nước.
 - Nhà máy chịu sự chỉ đạo về tổ chức quản lý và điều hành sản xuất nước của Ban Giám đốc Công ty, có trách nhiệm chủ động phối hợp với các phòng ban, đơn vị trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trước cổ phần hóa

2.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

2.1.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ

Đơn vị tính: m³

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	9T/2018
Nước máy sản xuất	19.885.000	18.931.825	20.791.064	14.553.194
Nước máy ghi thu	15.969.000	15.463.216	16.146.635	11.683.307
Nước thất thoát	19,7%	18,3%	22,3%	19,7%

Nguồn: DAKWACO.



2.1.2. Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu tổng doanh thu trước cổ phần hóa giai đoạn từ năm 2015 đến 9 tháng năm 2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		9T/2018	
	Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT
Doanh thu thuần	101.811	99,24	110.781	97,58	118.473	97,89	116.530	99,23
Doanh thu tài chính	333	0,32	785	0,69	559	0,46	136	0,12
Doanh thu khác	450	0,44	1.959	1,73	1.992	1,65	769	0,65
Tổng doanh thu (TDT)	102.594	100	113.525	100	121.024	100	117.435	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 và BCTC 9 tháng 2018 của DAKWACO

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực sản xuất cấp nước, kết quả hoạt động kinh doanh của DAKWACO bị ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện khí hậu tự nhiên. Trong mùa khô, nhiều năm hạn hán kéo dài, nguồn nước thiếu hụt trầm trọng, làm ảnh hưởng đến quản lý, phân phối, đến người tiêu dùng. Tuy nhiên, bên cạnh sự chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo và sự hỗ trợ của cơ quan ban ngành tại địa phương, nhu cầu sử dụng nước sạch sinh hoạt của người dân ngày càng tăng, thuận lợi cho tốc độ phát triển tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong giai đoạn 2015 – 2017 tổng doanh thu liên tục tăng trưởng, trong đó, doanh thu thuần luôn chiếm tỷ lệ trên 97% tổng doanh thu.

Doanh thu tài chính chiếm tỷ trọng không đáng kể, tỷ lệ dưới 0,7% tổng doanh thu. Doanh thu khác năm 2016 – 2017 có sự tăng trưởng đột biến do tiền thuê đất được giảm trong năm 2016 và xử lý công nợ tồn đọng của năm 2017.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, tổng doanh thu của Công ty đạt 117,4 tỷ đồng, báo hiệu mức tăng trưởng tích cực với giá trị cao hơn kết quả cả năm 2015 và năm 2016 lần lượt là 14,5% và 3,4%, đồng thời đạt tỷ lệ 97% so với kết quả cả năm 2017. Trong đó, hơn 99% tổng doanh thu đến từ doanh thu thuần với giá trị là 116,5 tỷ đồng.

2.1.3. Cơ cấu doanh thu theo hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu trước cổ phần hóa giai đoạn từ năm 2015 đến 9 tháng năm 2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		9T/2018	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Doanh thu SX, cung cấp nước sinh hoạt	85.889	84,36	99.901	90,18	108.135	91,27	111.867	95,85
Doanh thu xây lắp	13.644	13,40	9.691	8,75	6.314	5,33	4.590	3,93



Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		9T/2018	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Doanh thu tư vấn, khảo sát thiết kế, khác	2.278	2,24	1.189	1,07	4.024	3,40	260	0,22
Doanh thu thuần (DTT)	101.811	100	110.781	100	118.473	100	116.717	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 và BCTC 9 tháng 2018 của DAKWACO

Về cơ cấu các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2015-2017 chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt, chiếm tỷ trọng bình quân trên doanh thu thuần là 88,78%. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt có xu hướng gia tăng qua các năm, cụ thể, doanh thu năm 2015 đạt gần 86 tỷ đồng, chiếm 84,36% doanh thu thuần, đến năm 2017, giá trị này tăng lên 108 tỷ đồng, chiếm 91,27% doanh thu thuần.

Bên cạnh nguồn thu từ hoạt động sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt, DAKWACO cũng ghi nhận khoản từ hoạt động xây lắp với tỷ lệ đóng góp bình quân trong giai đoạn 2015-2017 là 8,96% doanh thu thuần. Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động này có xu hướng giảm dần từ mức 13,6 tỷ đồng năm 2015 xuống còn 6,3 tỷ đồng năm 2017, tương ứng tỷ lệ trên doanh thu thuần giảm từ 13,40% xuống còn 5,33%.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của DAKWACO còn bao gồm dịch vụ tư vấn, khảo sát thiết kế và các hoạt động khác. Đối với nhóm hoạt động này, tỷ trọng bình quân trên doanh thu thuần ở mức thấp 2,26% và dao động từ 1,07-3,40% trong giai đoạn phân tích.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, hầu hết doanh thu thuần của Công ty đến từ hoạt động sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt với giá trị đạt gần 112 tỷ đồng, tăng trưởng tích cực so với kết quả của 03 năm trước (2015 – 2017) với tỷ lệ lần lượt là 30%, 12% và 3,5%.

2.2. Nguyên vật liệu

Các nguyên vật liệu chính chủ yếu sử dụng trong sản xuất nước bao gồm nước thô khai thác từ nước các mặt sông, giếng nước ngầm, điện chiếu sáng và các vật liệu xây dựng phục vụ cho việc duy tu và thi công bảo trì đường ống. Ngoài ra, các nguyên liệu còn có các hóa chất xử lý nước như: phèn đơn, xút, chlorine,...

Chi phí nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ lệ nhất định trong giá thành sản phẩm. Giá nguyên vật liệu, hóa chất tương đối ổn định, một số yếu tố có biến động tăng nhưng nằm trong giới hạn cho phép, Công ty có thể kiểm soát được. Tuy nhiên vật liệu chính là nguồn nước thô phụ thuộc vào điều kiện thời tiết thiên nhiên nên có những tháng khô hạn hoặc mùa mưa lũ, nên số lượng và chất lượng nước thô có sự thay đổi, phải hao tổn nhiều về chi phí điện năng và hóa chất để xử lý.

Do các loại nguyên vật liệu để xử lý nước của DAKWACO sử dụng khá phổ biến trên thị trường, giá cả nguyên vật liệu cũng ít biến động, nên tình hình sử dụng nguyên vật liệu không ảnh hưởng nhiều đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.



2.3. Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí hoạt động trước cổ phần hóa giai đoạn từ năm 2015 đến 9 tháng năm 2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		9T/2018	
	Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT
Giá vốn hàng bán	83.771	81,65	89.242	78,61	98.632	81,50	85.497	72,80
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	13.419	13,08	18.159	16,00	15.427	12,75	13.645	11,62
Chi phí tài chính	0	0	0	0	0	0	0	0
Chi phí khác	534	0,52	1.071	0,94	1.869	1,54	421	0,36
Tổng cộng	97.724	95,25	108.472	95,55	115.928	95,79	99.563	84,78

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 và BCTC 9 tháng 2018 của DAKWACO

Nhìn chung, tổng chi phí chiếm tỷ trọng cao và duy trì ổn định từ 95-96% tổng doanh thu trong giai đoạn 2015-2017. Do đặc thù hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất nước nên giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất so với các chi phí còn lại, tương ứng tỷ trọng bình quân trong 3 năm 2015, 2016 và 2017 là 80,6% tổng doanh thu.

Tiếp đến là chi phí quản lý doanh nghiệp với giá trị bình quân 15,7 tỷ đồng/năm trong giai đoạn 2015-2017, trong đó chủ yếu là các khoản thuế, phí, lệ phí và chi phí nhân viên quản lý. Còn lại là chi phí khác luôn chiếm tỷ trọng dưới 1% trong hai năm 2015 và 2016, sang năm 2017, tỷ lệ này tăng lên 1,54% do trong năm Công ty phải nộp bổ sung khoản phí bảo vệ môi trường đối với nước thải với giá trị là 1,4 tỷ đồng.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, tổng chi phí của Công ty đạt 99,6 tỷ đồng, chiếm khoảng 84,8% tổng doanh thu, thấp hơn tỷ lệ bình quân trong giai đoạn 3 năm trước là 95,5% do Công ty thường hạch toán và phân bổ chi phí khấu hao vào thời điểm cuối mỗi năm.

Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không phát sinh các chi phí liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí tài chính.

2.4. Thị trường

Công ty hiện tại đang quản lý việc cung cấp nước sinh hoạt cho toàn bộ nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột với công suất là 49.000 m³/ ngày đêm, đồng thời quản lý 05 huyện trong tỉnh Đắk Lắk là: Thị xã Buôn Hồ, thị trấn Phước An, Thị trấn Cư Mgar, Thị trấn Ea Súp, Thị trấn Ea Kar.

2.5. Trình độ công nghệ

So với các đơn vị cùng ngành, trình độ công nghệ của DAKWACO là tương đối phát triển và phù hợp với tốc độ phát triển của đơn vị.



Trong thời gian qua, Công ty đã cải tiến thủ tục, cải tiến phương thức quản lý bằng công nghệ thông tin áp dụng cho công tác quản lý điều hành công ty, cũng như quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và giao dịch với khách hàng.

Trong thời gian đến, DAKWACO phấn đấu xây dựng Công ty trở thành đơn vị cấp nước có trình độ quản lý tiên tiến, công nghệ hiện đại theo kịp với các Công ty cấp nước hàng đầu trong nước, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển của tỉnh, phù hợp với định hướng phát triển cấp nước các đô thị đến năm 2020 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

2.6. Hệ thống quản lý chất lượng

Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, Công ty có bộ phận chuyên kiểm tra chất lượng để kiểm soát chất lượng, hạn chế những rủi ro đáng tiếc gây ra trong quá trình sản xuất. Đảm bảo chất lượng và các yêu cầu của khách hàng.

Cụ thể, hằng năm Công ty luôn tăng cường kiểm tra chất lượng nước tại đầu nguồn, trên mạng lưới, để đảm bảo nguồn nước với chất lượng nước đạt theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế và chất lượng dịch vụ cấp nước sạch sinh hoạt bảo đảm theo yêu cầu của người tiêu dùng. Có kế hoạch thực hiện kiểm định đồng hồ khách hàng theo thời gian quy định (đồng hồ 60 tháng trở lên) để giảm tỷ lệ thất thoát nước qua đồng hồ.

2.7. Hoạt động marketing

Vì lý do nguồn nước còn hạn chế, do đó Công ty không có nhiều hoạt động marketing. Tuy nhiên hằng năm Công ty cũng đã phát triển cung cấp tăng thêm cho hàng ngàn hộ dùng nước sạch, để phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân trong địa bàn hoạt động.

2.8. Tình hình đầu tư phát triển giai đoạn 3 năm trước cổ phần hóa

Trong giai đoạn 2015-2017, do điều kiện nguồn vốn đầu tư còn hạn chế nên Công ty chỉ tập trung đầu tư vào những hạng mục công trình đặc biệt cần thiết để sản xuất kinh doanh có hiệu quả và phục vụ đời sống sinh hoạt của người dân. Cụ thể, trong giai đoạn này, Công ty đã tập trung đầu tư phát triển và cải tạo mạng lưới cấp nước với tổng giá trị đầu tư mỗi năm như sau:

- Năm 2015: tổng giá trị đầu tư 10,4 tỷ đồng.
- Năm 2016: tổng giá trị đầu tư 11,4 tỷ đồng.
- Năm 2017: tổng giá trị đầu tư 12,5 tỷ đồng.

Trong dài hạn, để bổ sung nguồn nước cho Thành phố Buôn Ma Thuột, Công ty đang tích cực đẩy nhanh tiến độ Dự án cấp nước 35.000 m³/ngày đêm. Đến nay, các gói thầu xây lắp đã được triển khai thi công, phần đầu hoàn thành một số hạng mục chính vào quý IV năm 2018 để đưa vào khai thác, cung cấp nước kịp thời cho cho nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.



3. Thực trạng của công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

3.1. Thực trạng về tài sản

Tổng giá trị tài sản của Công ty theo sổ sách kế toán tại ngày 01/07/2017 là **348.979.185.721 đồng** (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, một trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm hai mươi mốt đồng), bao gồm:

Đơn vị tính: đồng.

STT	Danh mục tài sản	Giá trị còn lại	Cơ cấu tài sản
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	257.229.086.170	73,71%
1	Tài sản cố định	248.953.913.503	71,34%
a	TSCĐ hữu hình	248.563.946.579	71,23%
	- Nhà cửa, vật kiến trúc	47.255.121.575	13,54%
	- Máy móc, thiết bị	6.559.885.969	1,88%
	- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	194.243.343.875	55,66%
	- Thiết bị, dụng cụ quản lý	505.595.160	0,14%
b	TSCĐ vô hình	389.966.924	0,11%
	- Chi phí khảo sát, giấy phép khai thác nước ngầm và phần mềm vi tính	389.966.924	0,11%
2	Tài sản dài hạn dở dang	2.493.463.012	0,71%
3	Chi phí trả trước dài hạn	5.781.709.655	1,66%
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	91.750.099.551	26,29%
1	Tiền	16.463.388.500	4,72%
	- Tiền mặt tồn quỹ	61.337.579	0,02%
	- Tiền gửi ngân hàng	7.402.050.921	2,12%
	- Các khoản tương đương tiền	9.000.000.000	2,58%
2	Các khoản phải thu	57.538.507.823	16,49%
	- Phải thu khách hàng	20.784.583.842	5,96%
	- Trả trước cho người bán	2.472.417.910	0,71%
	- Phải thu nội bộ	1.602.541.104	0,46%
	- Các khoản phải thu khác	33.227.208.086	9,52%
	- Các khoản dự phòng phải thu khó đòi	(548.243.119)	(0,16%)
3	Vật tư, hàng hóa tồn kho	17.491.979.969	5,01%
4	TSLĐ khác	256.223.259	0,07%
@	Tổng giá trị tài sản (I+II)	348.979.185.721	100%

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và ĐTXD Đắk Lắk tại thời điểm 01/07/2017.



3.2. Thực trạng về tài chính, công nợ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn vốn	Số tiền	Cơ cấu
I	Nợ phải trả	33.174.275.348	9,51%
1	Nợ ngắn hạn	33.112.775.348	9,49%
	- Phải trả cho người bán	10.232.464.557	2,93%
	- Người mua trả tiền trước	19.478.774	0,01%
	- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.119.844.152	0,32%
	- Phải trả người lao động	11.270.621.676	3,23%
	- Phải trả nội bộ	1.602.541.104	0,46%
	- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.972.855.942	2,57%
	- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(105.030.857)	(0,03%)
2	Nợ dài hạn	61.500.000	0,02%
	- Phải trả dài hạn khác	61.500.000	0,02%
II	Vốn chủ sở hữu	315.804.910.373	90,49%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	183.115.066.895	52,47%
2	Quỹ đầu tư phát triển	10.530.599.477	3,02%
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.908.204	0,001%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	837.229.197	0,24%
5	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	121.318.106.600	34,76%
@	Tổng nguồn vốn (I+II)	348.979.185.721	100%

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và ĐTXD
Đắk Lắk tại thời điểm 01/07/2017.

3.3. Thực trạng về quản lý và sử dụng đất

Tổng diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng: 189.519,8 m² (gồm 67 khu đất) tại Thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 9 huyện của Tỉnh Đắk Lắk như sau:



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Từ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý
I	TP. Buôn Ma Thuột				60.252,5		
1	Trạm bơm Phan Chu Trinh và bể chứa nước	P. Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		2.100	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1091/QĐ-UB ngày 17/12/1983
2	Giếng thu nước và trạm bơm CùPul	Xã Ea Tu, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		12.025	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 838/QĐ-UB ngày 03/5/1996
3	Trạm bơm và bể chứa nước Đạt Lý	Xã Hòa Thuận, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		625	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 2949/QĐ-UB ngày 08/11/2000
4	Bể chứa nước Tân An	P. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		2.098	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1457/QĐ-UB ngày 19/6/1999
5	06 G/Khoan TB Đạt Lý	Xã Hòa Thuận, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		720	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 2950/QĐ-UB ngày 8/11/2000
6	Bể nước Thăng Long	P. Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		1.130,6	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1458/QĐ-UB ngày 19/6/1999
7	Trạm bơm tăng áp và bể chứa Hòa Thắng	Xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		1.942	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 41/QĐ-UB ngày 04/01/2001
8	04 G/Khoan và trạm bơm Hòa Thắng	Xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		480	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 2951/QĐ-UB ngày 11/8/2000
9	Trạm bơm tăng áp và bể chứa nước CùPul	Xã Eatu, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		2.652,7	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1456/QĐ-UB ngày 19/6/1999
10	Trụ sở Công ty	P. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột	22	107	6.774	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1622/QĐ-UBND ngày 01/7/2010
11	02 bể chứa số 70 Nguyễn Tất Thành	P. Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột	1	15	4.239,9	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1460/QĐ-UBND ngày 12/6/2015
12	03 G/Khoan TB Đạt Lý	P. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột	43, 65, 66	80, 39, 5	90	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 02/6/2006



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý
13	Trạm bơm tăng áp P. Ea Tam	P. Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột	129	437	3.381,5	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1033/QĐ-UBND ngày 28/4/2017
14	Trạm bơm Ea Côtam và hồ thu nước số 1	Xã Eatu, Tp. Buôn Ma Thuột	8	47	21.993,8	chưa lập thủ tục đất đai	
II	Thị xã Buôn Hồ				15.072,1		
1	Văn phòng CN Buôn Hồ	P. Đạt Hiếu, TX. Buôn Hồ	41	113	2.161,4	chưa lập thủ tục đất đai	
2	G/Khoan BH7	P. Đạt Hiếu, TX. Buôn Hồ	35	56	129,9	chưa lập thủ tục đất đai	
3	G/Khoan BH8	P. Đạt Hiếu, TX. Buôn Hồ	41	47	145,8	chưa lập thủ tục đất đai	
4	Trạm xử lý nước mặt	P. Bình Tân, TX. Buôn Hồ	Sơ đồ lô đất		6.349	chưa lập thủ tục đất đai	
5	Trạm xử lý nước ngầm	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	23	6,9, 316, 317, 320, 321	2.900	chưa lập thủ tục đất đai	
6	Đường vào trạm thu nước ngầm giếng DS18	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	22	95, 96	368,6	chưa lập thủ tục đất đai	
7	Trạm thu nước ngầm giếng DS12	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	21	63	517,2	chưa lập thủ tục đất đai	
8	Trạm thu nước ngầm giếng DS04 và đường vào trạm thu nước ngầm giếng DS04	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	21	41	538,6	chưa lập thủ tục đất đai	



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý
9	Trạm thu nước ngầm giếng DS02	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	21	45	45,5		chưa lập thủ tục đất đai
10	Trạm thu nước ngầm giếng DS19 và đường vào trạm thu nước ngầm giếng DS19	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	22	10, 11, 14	381,2		chưa lập thủ tục đất đai
11	Trạm thu nước ngầm giếng DS09 và đường vào trạm thu nước ngầm giếng DS09	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	21	53	63,9		chưa lập thủ tục đất đai
12	Trạm thu nước mặt Hồ Hợp Thành và đường vào trạm thu nước mặt Hồ Hợp Thành	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	26	280	563,5		chưa lập thủ tục đất đai
13	Trạm thu nước ngầm giếng DS15 và đường vào trạm thu nước ngầm giếng DS15	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	21	137, 138	69,5		chưa lập thủ tục đất đai
14	Trạm thu nước mặt Hồ Nam Hồng và đường vào trạm thu nước mặt Hồ Nam Hồng	P. Bình Tân, TX. Buôn Hồ	35	104	838		chưa lập thủ tục đất đai
III	Huyện Krông Pắc				53478,80		
1	G/Khoan KP20 TBom 35	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	5	333	106,5	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1366/QĐ-UB ngày 17/10/1995



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BĐ	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý
2	06 G/Khoan TBơm 35	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	19, 16	251, 252, 253, 254, 304, 269	1.277,3	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 863/QĐ-UB ngày 04/5/1996
3	04 G/Khoan TBơm 35	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc			448,5	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 2946/QĐ-UB ngày 08/11/2000
4	G/Khoan KP23	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	15	107	120,9	chưa lập thủ tục đất đai	
5	G/Khoan TL2-7	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	27	163	116,7	chưa lập thủ tục đất đai	
6	Văn phòng, trạm bơm, bể thu, bể chứa nước, khu xử lý chi nhánh KRông Pắc	TT. Phước An, H. Krông Pắc	11	93	7.250,5	chưa lập thủ tục đất đai	
7	Hồ thu nước số 2, số 3 thuộc trạm bơm Ea Côtam	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	8	47	42.077,5	chưa lập thủ tục đất đai	
8	Hồ thu nước số 4 thuộc trạm bơm Ea Côtam	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	9	155	1.817,1	chưa lập thủ tục đất đai	
9	G/Khoan KP-21	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	5	332	117	chưa lập thủ tục đất đai	
10	G/Khoan TL2-14	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	26	224	146,8	chưa lập thủ tục đất đai	
IV	Huyện Krông Buk				1.090,4		
1	G/Khoan BH0	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	32	96	115,8	chưa lập thủ tục đất đai	



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý
2	G/Khoan BH1	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	32	38	66,6	chưa lập thủ tục đất đai	
3	G/Khoan BH2	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	68	53	122,2	chưa lập thủ tục đất đai	
4	G/Khoan BH3	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	62	37	115,9	chưa lập thủ tục đất đai	
5	G/Khoan BH4	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	75	193	134,7	chưa lập thủ tục đất đai	
6	G/Khoan BH5	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	67	67	121	chưa lập thủ tục đất đai	
7	G/Khoan BH6	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	73	39	104,6	chưa lập thủ tục đất đai	
8	G/Khoan BH11	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	75	315	111,8	chưa lập thủ tục đất đai	
9	G/Khoan BH12	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	82	393	80,4	chưa lập thủ tục đất đai	
10	G/Khoan BHdp	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	32	3	117,4	chưa lập thủ tục đất đai	
V	Huyện Cư M'gar				4.321,0		
1	03 Giếng khoan và trạm Bơm Cư M'gar	Thị trấn Ea Pôk, H. Cư M'gar	8, 9, 10	393, 197, 451	319	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1302/QĐ-UBND ngày 14/6/2007
2	Văn phòng CN Cư M'gar	TT Quảng Phú, H. Cư M'gar	13	367	1.612	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1673/QĐ-UBND ngày 20/7/2007
3	Bể chứa, nhà quản lý, nhà HC CN Cư M'gar	TT Ea Pôk, H. Cư M'gar	24	123, 124	1.483	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1675/QĐ-UBND ngày 20/7/2007



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý
4	Giếng khoan trạm bơm CN Cư M'gar	TT Quảng Phú, H. Cư M'gar	8	171	215	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 50/QĐ-UBND ngày 10/01/2011
5	Giếng khoan trạm bơm CN Cư M'gar	TT Ea Pôk, H. Cư M'gar	11, 8	258, 260, 259, 394	492	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1674/QĐ-UBND ngày 20/7/2007
6	02 Giếng khoan, trạm bơm Cư M'gar	TT. Ea Pôk, H. Cư M'gar	3	676	200	chưa lập thủ tục đất đai	
VI	Huyện Cư Kuin				6.374,9		
1	Trạm bơm Ea M'Sen	Xã Ea Ktur, H. Cư Kuin	Sơ đồ lô đất		2.357	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1953/QĐ-UB ngày 29/8/2000
2	G/Khoan TL2-3, Ea M'Sen	Xã Ea Ktur, H. Cư Kuin	Sơ đồ lô đất		120	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1952/QĐ-UB ngày 29/8/2000
3	G/Khoan TL2-1, Ea M'Sen	Xã Ea Ktur, H. Cư Kuin	Sơ đồ lô đất		120	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1951/QĐ-UB ngày 29/8/2000
4	Trạm bơm Ea Chu Cáp	Xã Ea Ktur, H. Cư Kuin	11	4704	3.777,9	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 2173/QĐ-UBND ngày 18/10/2013
VII	Huyện Ea Kar				7.263,6		
1	Trạm xử lý nước EaKar	Xã Ea Kmút, H. Ea Kar	74	52	7.081,2	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1186/QĐ-UBND ngày 22/5/2017
2	Văn phòng Chi nhánh Ea Kar	TT. EaKar, H. Ea Kar	115	46	167,2	chưa lập thủ tục đất đai	
3	Giếng khoan Ea Kar	TT. EaKar, H. Ea Kar	89		15,2	chưa lập thủ tục đất đai	



STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý
VIII	Huyện Krông Ana				25.921,2		
1	Nhà máy xử lý nước huyện Krông Ana	Xã Ea Na, H. Krông Ana	1034		20.170,2	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 3446/QĐ-UBND ngày 18/11/2016
2	Trạm bơm nước thô huyện Krông Ana	Xã Ea Na, H. Krông Ana	33		5.751	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1536/QĐ-UBND ngày 23/6/2017
IX	Huyện Buôn Đôn				7.350,4		
1	Trạm bơm nước thô huyện Buôn Đôn	Xã Ea Wer, H. Buôn Đôn	106	38	1.113	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 2407/QĐ-UBND ngày 17/8/2016
2	Nhà máy cấp nước huyện Buôn Đôn	Xã Ea Wer, . Buôn Đôn	12	215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223	6.237,4	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 806/QĐ-UBND ngày 19/4/2018
X	Huyện Ea Súp				2044,00		
1	Văn phòng, nhà QL vận hành CN Ea Súp	TT. Ea Súp, H. Ea Súp			2.044	chưa lập thủ tục đất đai	
XI	Huyện Krông Năng				6.350,9		
1	Nhà máy xử lý nước huyện Krông năng	TT. Krông Năng, H. Krông Năng	80	46	6.350,9	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 2061/QĐ-UBND ngày 12/7/2016
Tổng	67 Công trình	Diện tích:		189.519,8 m²			

Nguồn: Phụ lục về nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất của DAKWACO đính kèm Tờ trình số 437/TTr-STNMT ngày 07/08/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.

3.4. Thực trạng sử dụng nguồn nhân lực

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 01/07/2017, tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên của Công ty là 367 người với cơ cấu như sau:

CHỈ TIÊU	Số người	Tỷ lệ
- Tổng số lao động	367	100%
- Phân loại theo trình độ:		
+ Đại học và trên đại học	108	29%
+ Cao đẳng và trung cấp	64	18%
+ Công nhân kỹ thuật	188	51%
+ Lao động phổ thông	7	2%
- Phân loại theo tính chất HĐLĐ:		
+ Lao động không xác định thời hạn	305	83%
+ Lao động có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	62	17%
+ Lao động có thời hạn dưới 12 tháng hoặc theo thời vụ	0	0%
+ Đối tượng không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0%

Nguồn: Phương án sử dụng lao động của DAKWACO.

Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh theo các quy định hiện hành của pháp luật lao động. Người lao động được ký hợp đồng lao động, thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ, chính xác, kịp thời.

3.5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa

Số liệu chi tiết được tóm tắt ở bảng dưới như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	9T/2018
Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán:					
I	Tổng tài sản	352.849	352.797	357.860	366.928
1	Tài sản ngắn hạn	82.558	95.815	103.219	109.180
2	Tài sản dài hạn	270.291	256.982	254.641	257.748
II	Vốn chủ sở hữu	315.206	314.968	314.968	329.179
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	183.354	183.115	183.115	183.115



STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	9T/2018
III	Nợ phải trả	37.642	37.829	42.892	37.749
1	Nợ ngắn hạn	37.642	37.829	42.892	37.543
	- Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
	- Nợ quá hạn	-	-	-	-
2	Nợ dài hạn	-	-	-	206
	- Vay và nợ dài hạn	-	-	-	-
	- Nợ quá hạn	-	-	-	-
IV	Khoản phải thu	40.395	48.737	65.750	78.348
1	Khoản phải thu ngắn hạn	40.395	48.737	65.750	78.348
2	Khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:					
I	Tổng doanh thu	102.594	113.525	121.024	117.435
1	Doanh thu thuần	101.811	110.781	118.473	116.530
2	Doanh thu tài chính	333	785	559	136
3	Doanh thu khác	450	1.959	1.992	769
II	Tổng chi phí	97.724	108.472	115.928	99.563
1	Giá vốn hàng bán	83.771	89.242	98.632	85.497
2	Chi phí bán hàng	-	-	-	0
3	Chi phí QLDN	13.419	18.159	15.427	13.645
4	Chi phí tài chính	-	-	-	0
5	Chi phí khác	534	1.071	1.869	421
III	Lợi nhuận trước thuế	4.870	5.054	5.096	17.872
IV	Thuế TNDN	1.167	1.254	1.387	3.567
V	Lợi nhuận sau thuế	3.703	3.801	3.709	14.304
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu ^(*):					
I	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay các khoản phải thu	2,73	2,49	2,07	/
2	Vòng quay các khoản phải trả	1,63	2,41	2,50	/
3	Vòng quay hàng tồn kho	5,26	5,44	5,33	/
4	Vòng quay tổng tài sản	0,32	0,31	0,33	/



STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	9T/2018
5	Vòng quay vốn lưu động	2,42	2,15	2,00	/
II	Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,19	2,53	2,41	/
2	Hệ số thanh toán nhanh	1,78	2,07	1,95	/
III	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán nợ				
1	Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	-	-	-	/
2	Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	-	-	-	/
3	Hệ số đòn bẩy tài chính	-	-	-	/
4	Khả năng thanh toán lãi vay	-	-	-	/
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Lợi nhuận sau thuế/DTT	3,64%	3,43%	3,13%	/
2	Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	1,17%	1,08%	1,04%	/
3	Tỷ suất sinh lời trên VCSH (ROE)	1,40%	1,21%	1,18%	/
V	Chỉ tiêu về cơ cấu TS/Nguồn vốn				
1	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	10,67%	10,72%	11,99%	/
2	Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	11,94%	12,01%	13,62%	/
3	VCSH/ Tổng nguồn vốn	89,33%	89,28%	88,01%	/
4	Nợ ngắn hạn / Nợ phải trả	100%	100%	100%	/
5	Nợ dài hạn /Nợ phải trả	-	-	-	/
VI	Tốc độ tăng trưởng				
1	Tăng trưởng Tổng tài sản	26,77%	(0,01%)	1,44%	/
2	Tăng trưởng Doanh thu thuần	(0,89%)	8,81%	6,94%	/

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 và BCTC 9 tháng năm 2018 của DAKWACO

(*) Nhóm các chỉ số tài chính được tính dựa trên số liệu của một năm hoạt động của Công ty, do đó để phản ánh đúng ý nghĩa của các chỉ số này, Công ty không tính toán các chỉ số trong 9 tháng đầu năm 2018.



4. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

4.1. Vị thế của Công ty trong ngành

DAKWACO là đơn vị cấp nước cho toàn tỉnh Đắk Lắk, theo đó Công ty luôn nỗ lực để đảm bảo việc cấp nước liên tục, chất lượng nước và chất lượng dịch vụ không ngừng được nâng cao.

Về mạng lưới hoạt động, hiện tại Công ty có trụ sở đặt tại thành phố Buôn Ma Thuột và 5 chi nhánh cấp nước đặt tại các huyện và thị xã thuộc địa bàn tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo công tác cấp nước cho sinh hoạt. Cụ thể như sau:

Stt	Địa bàn	Năm 2017		
		Nước máy sản xuất (m ³)	Nước máy ghi thu (m ³)	Tỷ lệ thất thoát (%)
1	Tp.Buôn Ma Thuột	16.684.085	12.988.461	22,2
2	Huyện Krông Pắc	801.675	645.665	19,5
3	Thị xã Buôn Hồ	1.897.877	1.577.487	16,9
4	Huyện Cư Mgar	417.386	344.849	17,5
5	Huyện EaKar	83.644	66.594	20,5
6	Huyện EaSúp	906.397	523.579	42,3
@	Tổng cộng	20.791.064	16.146.635	22,3

Nguồn: DAKWACO.

Hiện nay, Công ty được đánh giá là đơn vị cấp nước có trình độ quản lý tiên tiến, công nghệ hiện đại, ngang tầm với các công ty cấp nước tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và đang từng bước hội nhập với trình độ các công ty lớn trong nước.

4.2. Triển vọng phát triển của ngành

Hệ thống cấp nước có vai trò hết sức quan trọng đối với đời sống và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, chính vì vậy ngành cấp nước luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo cũng như ưu đãi, hỗ trợ rất lớn từ Chính phủ. Cụ thể, các dự án phát triển cấp nước tại các khu đô thị luôn được ưu tiên đầu tư xây dựng cũng như thường xuyên được kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động, cải tạo và đầu tư mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước, phát huy hết công suất thiết kế và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Ngày 11/07/2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, và sau đó được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp cấp nước tự chủ về tài chính. Điều này góp phần cho thấy sự quan tâm của Nhà nước tới sự phát triển của ngành cấp nước.



Theo quan điểm của định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam, mục tiêu cụ thể đến năm 2025, tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước sạch tại các đô thị đạt 100%; với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 lít/người/ngày đêm. Tầm nhìn đến năm 2050, tất cả các đô thị, khu công nghiệp được đáp ứng đầy đủ các nhu cầu cấp nước có điều kiện tự chủ về tài chính.

Đối với một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, tốc độ tăng trưởng hạ tầng cơ sở nhanh chóng mở ra những cơ hội đáng kể cho sự phát triển chung của ngành cấp nước. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm – dịch vụ phục vụ sinh hoạt của người dân cũng ngày càng nâng cao là những thuận lợi để các công ty trong lĩnh vực này cải tiến quy mô và chất lượng kinh doanh theo chiều hướng tích cực.

Đến nay, cả nước có gần 100 doanh nghiệp cấp nước, quản lý trên 500 hệ thống cấp nước lớn, nhỏ tại các đô thị toàn quốc với tổng công suất cấp nước đạt 7 triệu m³/ngày đêm; tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 80%; tỷ lệ thất thoát, thất thu bình quân khoảng 25,5%; mức sử dụng nước sinh hoạt bình quân đạt 105 lít/người/ngày đêm.

4.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới thể hiện bằng việc Công ty quyết tâm chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình mới là Công ty cổ phần. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay với nền kinh tế thị trường, mô hình doanh nghiệp Nhà nước hoạt động hiện không còn hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng cạnh tranh bị hạn chế. Mô hình Công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp thích hợp nhất mà các nước tiên tiến nói chung và Việt Nam nói riêng đang áp dụng và phát huy các mặt tích cực của nó trong nền kinh tế. Với mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội cả về vốn lẫn nhân lực của mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương; thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

5. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và các vấn đề cần tiếp tục xử lý

5.1. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk là 0 giờ ngày 01/07/2017.



5.2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp

Theo quy định tại Điều 22 Nghị định 126/2017/NĐ-CP, tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp được lựa chọn các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá trị doanh nghiệp, đảm bảo mỗi doanh nghiệp cổ phần hóa phải được áp dụng tối thiểu 02 phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp khác nhau và trình cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định.

Trên cơ sở quy định tại Điều 22 Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và ĐTXD Đắk Lắk tại thời điểm 01/07/2017, CTCP Thẩm định giá Đông Á (tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp) đã áp dụng 02 phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp cho Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk gồm: *Phương pháp tài sản* và *Phương pháp tỷ số bình quân*. Theo đó, kết quả xác định giá trị doanh nghiệp như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp tài sản	Phương pháp tỷ số bình quân
1	Giá trị thực tế doanh nghiệp (đồng)	481.821.081.243	453.769.163.217
2	Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (đồng)	449.220.281.476	420.594.887.869

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và ĐTXD Đắk Lắk tại thời điểm 01/07/2017.

Căn cứ Biên bản thẩm định kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Ban chỉ đạo cổ phần hóa đối với Công ty TNHH MTV Cấp nước và ĐTXD Đắk Lắk tại thời điểm 01/07/2017 ký ngày 14/06/2018, Ban chỉ đạo cổ phần hóa đã thống nhất lựa chọn phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản để trình UBND tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 29/06/2018, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1459/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk.

Theo đó, phương pháp tài sản: Là phương pháp định giá do đơn vị tư vấn thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 2 - Chương 3 - Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 như sau:

- Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa là giá trị toàn bộ tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp sau khi đánh giá lại có tính đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp.
- Giá trị thực tế vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa là tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa sau khi đã trừ các khoản nợ phải trả, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp (nếu có) và không bao gồm số dư khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017.



5.3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 29/06/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk để cổ phần hóa:

5.3.1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0 giờ 01/07/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk để cổ phần hóa như sau:

- Tổng giá trị thực tế của Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2017 để cổ phần hóa là: **481.821.081.243 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi một tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, không trăm tám mươi một ngàn, hai trăm bốn mươi ba đồng).
- Trong đó: Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2017 là: **449.220.281.476 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi chín tỷ, hai trăm hai mươi triệu, hai trăm tám mươi một ngàn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng).
- **Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=4-3)
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	348.381.259.096	481.821.081.243	133.439.822.147
I	TSCĐ và Đầu tư dài hạn	256.631.159.545	392.079.561.082	135.448.401.537
1	Tài sản cố định	248.355.986.878	361.362.297.415	113.006.310.537
a	TSCĐ hữu hình	247.966.019.954	360.932.947.173	112.966.927.219
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	46.657.194.950	77.857.950.146	31.200.755.196
1.2	Máy móc, thiết bị	6.559.885.969	12.364.877.574	5.804.991.605
1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	194.243.343.875	270.204.524.293	75.961.180.418
1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	505.595.160	505.595.160	-
b	TSCĐ vô hình	389.966.924	429.350.242	39.383.318
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			-
3	Tài sản dài hạn dở dang	2.493.463.012	24.935.554.012	22.442.091.000
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			-
5	Chi phí trả trước dài hạn	5.781.709.655	5.781.709.655	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	91.750.099.551	89.013.961.722	(2.736.137.829)



Stt	Chi tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	Tiền	16.463.388.500	16.463.388.500	-
1.1	Tiền mặt tồn quỹ	61.337.579	61.337.579	-
1.2	Tiền gửi ngân hàng	7.402.050.921	7.402.050.921	-
1.3	Các khoản tương đương tiền	9.000.000.000	9.000.000.000	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3	Các khoản phải thu	57.538.507.823	57.538.507.823	-
3.1	Phải thu khách hàng	20.784.583.842	20.784.583.842	-
3.2	Trả trước cho người bán	2.472.417.910	2.472.417.910	-
3.3	Phải thu nội bộ	1.602.541.104	1.602.541.104	-
3.4	Các khoản phải thu khác	33.227.208.086	33.227.208.086	-
3.5	Các khoản dự phòng phải thu khó đòi	(548.243.119)	(548.243.119)	-
4	Vật tư, hàng hóa tồn kho	17.491.979.969	14.044.438.640	(3.447.541.329)
5	TSLĐ khác	256.223.259	967.626.759	711.403.500
6	Chi phí sự nghiệp			-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp (nếu có)		727.558.439	727.558.439
IV	Giá trị quyền sử dụng đất		-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG	597.926.625	597.926.625	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	597.926.625	597.926.625	-
1	Tài sản cố định	597.926.625	597.926.625	-
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
3	Chi phí XDCB dở dang			
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
1	Công nợ không có khả năng thu hồi			
2	Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	3.447.541.329	3.447.541.329
I	TSCĐ và Đầu tư dài hạn			



Stt	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:			
I	Vật tư, hàng hóa hư hỏng, thu hồi	-	3.447.541.329	3.447.541.329
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	348.979.185.721	485.866.549.197	136.887.363.476
	Trong đó: TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (A)	348.381.259.096	481.821.081.243	133.439.822.147
E1	Nợ thực tế phải trả	33.174.275.348	32.600.799.767	(573.475.581)
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN			
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	315.206.983.748	449.220.281.476	134.013.297.728

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 1459/QĐ-UBND ngày 29/06/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

5.3.2. Tài sản không đưa vào cổ phần hóa, Tài sản không cần dùng, tài sản chờ thanh lý (tính theo số liệu xác định lại của Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp)

- Tổng giá trị tài sản không cần dùng tương ứng với giá trị còn lại của khoản mục tài sản cổ định bàn giao lại cho UBND tỉnh là **597.926.625 đồng** (Năm trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi sáu ngàn, sáu trăm hai mươi lăm đồng).
- Tổng giá trị tài sản chờ thanh lý tương ứng với giá trị còn lại của vật tư, hàng hóa hư hỏng, thu hồi là **3.447.541.329 đồng** (Ba tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi một ngàn, ba trăm hai mươi chín đồng).

5.4. Các vấn đề cần tiếp tục xử lý

- Đối với Dự án cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 03 thị trấn: Krông Năng (huyện Krông Năng), Ea Kar (huyện Ea Kar), Buôn Đôn (huyện Buôn Đôn), có tổng mức đầu tư: 685.385.400.000 đồng (trong đó nguồn vốn vay ADB: 547.373.400.000 đồng; vốn đối ứng của doanh nghiệp: 138.012.000.000 đồng, dự kiến hoàn thành năm 2019). Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa, theo dõi và xử lý theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 14 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ;



- Quyết định số 882/QĐ-UB ngày 05/04/2002 của UBND Tỉnh Đắk Lắk chưa thể hiện rõ việc hoàn lại hay không hoàn lại vốn tài trợ và thực tế đến nay vẫn chưa đối chiếu công nợ, do đó Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đã thống nhất loại khỏi giá trị doanh nghiệp khoản nợ phải trả này (khoản tín dụng chuyên ngành Hiệp định Việt Nam X-3: 8.059.727.581 đồng). Sau khi bên tài trợ vốn yêu cầu hoàn trả vốn tài trợ trên thì nhà nước có trách nhiệm hoàn trả số tài trợ này và CTCP Cấp nước Đắk Lắk không có trách nhiệm hoàn trả số tài trợ này;
- Đối với Dự án Ea Chu Cấp, hiện nay Công ty TNHH xây dựng Tiến Thịnh chưa hoàn thành hồ sơ thanh toán đợt cuối cùng, theo công văn số 02/CV-CTY ngày 04/06/2018 của Công ty TNHH xây dựng Tiến Thịnh khối lượng hoàn thành là 2.815.355.000 đồng. Nguyên nhân nhà thầu chưa hoàn thành bộ hồ sơ thanh toán; ngoài ra do nhà thầu không đảm bảo khả năng tiếp tục đấu nối và hoàn thành công việc phụ để hoạt động nhà máy, nhà thầu Công ty TNHH xây dựng Tiến Thịnh đã thống nhất để Chủ đầu tư (Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk) giao cho Đội trực thuộc công ty đấu nối và chi phí vật liệu phụ, hoàn thiện công việc để vận hành nhà máy đưa vào hoạt động chống hạn và phục vụ Lễ hội Festival Cà phê năm 2015, giá trị vật liệu phụ và chi phí đấu nối là 370.897.000 đồng đã quyết toán, bàn giao, chưa được thanh toán, tổng cộng còn phải thanh toán cho Dự án Ea Chu Cấp tổng số tiền 3.186.252.000 đồng. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thống nhất đưa vào theo dõi chi phí dở dang, đồng thời theo dõi công nợ phải trả cho Công ty TNHH xây dựng Tiến Thịnh, số tiền 2.815.355.000 đồng;
- Đối với Dự án các công trình cấp nước do UBND thành phố Buôn Ma Thuột làm chủ đầu tư có giá trị quyết toán đã được phê duyệt là 19.255.839.000 đồng, ngoài số do ngân sách UBND thành phố Buôn Ma Thuột đã chi trả cho nhà thầu thì số còn lại Công ty có trách nhiệm phải trả là 4,3 tỷ đồng. Căn cứ công văn số 10553/UBND-KT ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh, về việc chỉ đạo Công ty TNHH MTV Cấp nước và ĐTXD có trách nhiệm chuyển trả 02 tỷ đồng vào ngân sách thành phố Buôn Ma Thuột và Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk có trách nhiệm kế thừa số nợ trả nợ 2,3 tỷ đồng;
- Đối với tài sản không cần dùng, tài sản chờ thanh lý thực hiện chuyển giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC) để xử lý theo quy định tại khoản 2 điều 14 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ;
- Ban chỉ đạo cổ phần hóa tham mưu UBND tỉnh Đắk Lắk điều chỉnh giá trị doanh nghiệp từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0 giờ ngày 01/07/2017) đến thời điểm Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk chuyển đổi thành công ty cổ phần (thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp);



- Các khoản phải thu, phải trả được xác định trên cơ sở hồ sơ tài liệu do Công ty và các đơn vị thành viên cung cấp và kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016 do các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện và 6 tháng đầu năm 2017 (chưa kiểm toán). Công ty có trách nhiệm tiếp tục đối chiếu các khoản công nợ chưa được đối chiếu theo đúng quy định hiện hành;
- Số liệu quyết toán và kết quả sản xuất kinh doanh từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần sẽ được quyết toán, điều chỉnh, xử lý theo chế độ tài chính hiện hành đối với Doanh nghiệp Nhà nước.



PHẦN II.

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ vào giá trị sổ sách phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp sau khi xử lý tài chính và định hướng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp trong 3 năm sau cổ phần hóa, căn cứ quy định tại Điều 5 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk sẽ thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được nêu trong Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai;
- Huy động vốn nhân rộng của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai;
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của UBND tỉnh Đắk Lắk, các cơ quan ban ngành địa phương nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;
- Cơ cấu tổ chức của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần;
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên được thực hiện chu đáo;
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.

4. Thông tin về Công ty cổ phần



- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
- Tên tiếng Anh: **DAKLAK WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **CÔNG TY CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
- Tên viết tắt: **DAKWACO**
- Trụ sở chính: **339 Tôn Đức Thắng, Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk**
- Điện thoại: **0262.3852 619**
- Website: **www.dakwaco.com.vn**

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa và nhu cầu thực tế dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk được xác định như sau:

Vốn điều lệ Công ty cổ phần 315.200.000.000 đồng

(Bằng chữ: Ba trăm mười lăm tỷ, hai trăm triệu đồng)

Mệnh giá một cổ phần 10.000 đồng/cổ phần

Số lượng cổ phần 31.520.000 cổ phần

Loại cổ phần Cổ phần phổ thông

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 15/07/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk, Quyết định số 314/QĐ-UBND, ngày 13/02/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 15/07/2016, Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối với hình thức cổ phần hóa bán bớt một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, cơ cấu vốn điều lệ được xác định như sau:



Xác định cơ cấu vốn điều lệ như sau:

STT	Đối tượng	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước nắm giữ	11.347.200	113.472.000.000	36,00%
2	Bán cho NĐT chiến lược	0	0	0%
3	Bán cho người lao động	1.774.600	17.746.000.000	5,63%
A	Bán ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại Khu vực Nhà nước	508.000	5.080.000.000	1,61%
B	Bán ưu đãi thêm theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty Cổ phần	1.266.600	12.666.000.000	4,02%
4	Bán cho tổ chức công đoàn	50.000	500.000.000	0,16%
5	Bán đấu giá công khai	18.348.200	183.482.000.000	58,21%
@	Tổng cộng	31.520.000	315.200.000.000	100%

Tất cả cổ phần của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk tại thời điểm thành lập công ty cổ phần là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Xử lý số lượng cổ phần không bán hết:

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 như sau:

- Trường hợp không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã duyệt, đồng thời thực hiện các thủ tục để chuyển doanh nghiệp sang công ty cổ phần. Số lượng cổ phần chưa bán được sẽ được điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và thực hiện thoái vốn sau khi doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.
- Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện thỏa thuận bán cổ phần cho nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phần với giá bán không thấp hơn giá khởi điểm với khối lượng đã đăng ký mua hợp lệ. Nếu nhà đầu tư không mua, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017.



3. Trường hợp sau khi bán đấu giá công khai tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai đều từ chối mua, doanh nghiệp cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017.
4. Trường hợp đã bán được một phần số cổ phần chào bán trong cuộc đấu giá công khai, số lượng cổ phần còn lại chưa bán được trong cuộc đấu giá công khai (bao gồm cả số lượng cổ phần các nhà đầu tư đã trúng giá nhưng từ chối mua) được thực hiện theo trình tự sau:
 - a. Ban chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá hợp lệ (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai) để bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư này theo đúng khối lượng đã đăng ký và mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.
 - b. Nếu không bán hết cổ phần cho các nhà đầu tư sau khi đã thỏa thuận, Ban chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá nhưng từ chối mua) để thỏa thuận bán cho các nhà đầu tư này với giá bán là mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá của từng nhà đầu tư theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.
 - c. Trường hợp số lượng cổ phiếu không bán hết theo quy định tại điểm a và b Khoản 4 Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017.

6. Phương thức chào bán cổ phần

6.1. Bán cổ phần cho người lao động

6.1.1. Quy mô chào bán

Số lượng cổ phần Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk chào bán ưu đãi cho người lao động theo danh sách thường xuyên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và chào bán thêm theo số năm cam kết làm việc tại công ty cổ phần của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk là 1.774.600 cổ phần, tổng giá trị mệnh giá 17.746.000.000 đồng tương ứng 5,63% vốn điều lệ công ty cổ phần.

6.1.2. Mục tiêu chào bán

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động được thực hiện theo chính sách của Nhà nước nhằm gắn kết người lao động với Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk, đồng thời nhìn nhận những đóng góp của người lao động với giá trị của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk và tạo động lực cho người lao động gắn bó trong tương lai với Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk.

**6.1.3. Cổ phần bán cho NLD theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc tại khu vực Nhà nước**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động như sau:

a) *Đối tượng mua cổ phần với giá ưu đãi bao gồm:*

- *Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.*
- *Người lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cử xuống làm đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp khác chưa được hưởng chính sách mua cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp khác.*
- *Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cấp II (chưa được hưởng chính sách mua cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp khác) tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017.*

b) *Các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần). ...*

d) *Khoản chênh lệch giữa giá bán cho người lao động so với mệnh giá cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều này được trừ vào giá trị phần vốn nhà nước khi quyết toán tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần.*

đ) *Số cổ phần bán với giá ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi.*

Trên cơ sở quy định nêu trên, phương án chào bán cổ phần cho người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 01/07/2017 như sau:

- Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 01/07/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk là 367 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên công tác: 353 người (Có 14 người lao động chưa đủ 01 năm làm việc tính đến ngày 01/07/2017 nên không được mua cổ phần ưu đãi).
- Tổng số năm công tác của 353 người lao động được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 5.080 năm.
- Tổng số cổ phần ưu đãi của 353 người lao động mua theo số năm làm việc trong khu



- vực nhà nước: 508.000 cổ phần, tương ứng tổng giá trị mệnh giá là 5.080.000.000 đồng, chiếm 1,61% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Giá bán bán cổ phần ưu đãi được xác định: giá bán bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).
 - Thời gian không được chuyển nhượng cổ phần: trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần.
 - Thời gian thực hiện: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.

(Danh sách người lao động mua cổ phần với giá ưu đãi theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước được đính kèm cùng phương án này).

6.1.4. Cổ phần bán cho NLD theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP như sau: “Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần theo quy định sau:

- Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.*
Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Hội nghị người lao động của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.
- Giá bán cổ phần cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP là giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.*
- Mỗi một người lao động chỉ được hưởng quyền mua thêm cổ phần theo một mức xác định tại điểm a khoản 2 điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.*
- Số cổ phiếu người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.*

Trường hợp công ty cổ phần thực hiện thay đổi cơ cấu, công nghệ, di dời hoặc thu hẹp địa điểm sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này



thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk đã tổ chức Hội nghị công nhân viên chức để phổ biến đến người lao động chính sách ưu đãi cho người lao động trong phương án cổ phần hóa, thông qua tiêu chí xác định chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và tổ chức đăng ký mua thêm với kết quả như sau:

- Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được hưởng chính sách mua thêm cổ phiếu cho mỗi năm làm việc là 500 cổ phiếu/năm, tối đa không quá 5.000 cổ phiếu/người, gồm các đối tượng sau:
 1. Lao động có chức danh là Trưởng, Phó trưởng phòng; Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh; Giám đốc, Phó Giám đốc công ty; Kế toán trưởng; Kiểm soát viên; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch công đoàn; Bí thư, Phó Bí thư Chi đoàn Thanh niên; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến Binh, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Nữ Công;
 2. Lao động tại công ty trình độ đại học (Kỹ sư, Cử nhân), đã có kinh nghiệm làm việc tại công ty từ 6 năm trở lên (cụ thể có bậc lương 3/8 trở lên);
 3. Lao động tại công ty đối với công nhân trực tiếp, đã có kinh nghiệm làm việc tại công ty từ 9 năm trở lên (cụ thể có bậc lương 4/7 trở lên).
- Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động đăng ký mua thêm theo số năm cam kết làm việc tại Công ty Cổ phần là 335 người lao động, trong đó số lượng lao động là chuyên gia giỏi, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao: 229 người.
- Tổng số cổ phần đăng ký mua thêm là 1.266.600 cổ phần, tương ứng tổng giá trị mệnh giá là 12.666.000.000 đồng, chiếm 4,02% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Giá bán bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm: bằng giá khởi điểm bán đấu giá công khai.
- Thời gian không được chuyển nhượng cổ phần: theo thời gian cam kết làm việc tại công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.

(Danh sách người lao động mua thêm cổ phần theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty Cổ phần được đính kèm cùng phương án này).

6.2. Bán cổ phần cho Tổ chức Công đoàn

Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 33 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa như sau:

- Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại



doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại Điều 26 Luật Công đoàn năm 2012; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần.

- Giá bán cổ phần cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).

Căn cứ Công văn số 07/CĐ-CN&ĐTXD ngày 20/08/2018 của Công đoàn cơ sở Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk, tổ chức Công đoàn đăng ký mua 50.000 cổ phần, tương ứng tổng giá trị mệnh giá là 500.000.000 đồng, chiếm 0,16% vốn điều lệ công ty cổ phần.

6.3. Bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược

Theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 18/01/2018, Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk. Vì vậy, Công ty không thuộc nhóm đối tượng cần tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược.

6.4. Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO)

6.4.1. Khối lượng chào bán

Số cổ phần thực hiện bán đấu giá cho các nhà đầu tư khác dự kiến 18.348.200 cổ phần. Tổng giá trị mệnh giá 183.482.000.000 đồng, tương đương 58,21% vốn điều lệ công ty cổ phần. Các giới hạn về tỷ lệ đăng ký mua của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước sẽ được quy định cụ thể theo quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm đấu giá và được công bố thông tin theo đúng quy định.

6.4.2. Mức giá khởi điểm dự kiến bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng

Xác định giá khởi điểm: Giá khởi điểm được xác định tại thời điểm chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được xác định trên cơ sở Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 29/06/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk để cổ phần hóa, cụ thể như sau:

- Công thức tính giá khởi điểm:

$$\text{Giá khởi điểm} = \frac{\text{Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 29/06/2018}}{\text{Số lượng cổ phần tương ứng với vốn điều lệ của công ty cổ phần}}$$

- Xác định giá khởi điểm:

Số lượng cổ phần tương ứng vốn điều	(1)	31.520.000	cổ phần
-------------------------------------	-----	------------	---------



lệ của công ty cổ phần (Vốn điều lệ được xác định trên cơ sở giá trị sổ sách phần nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 01/07/2017 sau khi xử lý tài chính là 315.206.983.748 đồng, được làm tròn thành 315.200.000.000 đồng)			
Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 29/06/2018	(2)	449.220.281.476	đồng
Giá khởi điểm	(3)=(2)/(1)	14.252	đồng/cp
Giá khởi điểm	(làm tròn)	14.300	đồng/cp

Giá khởi điểm dự kiến: Căn cứ các yếu tố trình bày nêu trên, giá khởi điểm chào bán đầu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của DAKWACO được đề xuất là 14.300 đồng/cổ phần.

6.4.3. Phương thức chào bán

- Đấu giá công khai thông qua Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh;
- Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng với SGDCK TP.HCM để thực hiện đấu giá;
- Chi tiết các nội dung có liên quan đến việc thực hiện đấu giá cổ phần sẽ được thực hiện tại Quy chế đấu giá do SGDCK TP.HCM ban hành.

6.4.4. Đối tượng chào bán

Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

7. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

7.1. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 10/09/2018 v/v phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa và số lượng cổ phần bán đầu giá qua SGDCK TP.HCM, tổng mức chi phí cổ phần hóa dự kiến gồm khoản mục chính sau:



Stt	Khoản mục chi phí	Giá trị (đồng)
I	Các khoản chi phí trực tiếp tại Công ty	55.000.000
1	Chi phí cho tập huấn CPH doanh nghiệp	25.000.000
2	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản	10.000.000
3	Chi phí hội nghị bất thường người lao động để triển khai CPH	10.000.000
4	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin doanh nghiệp	10.000.000
II	Chi phí thuê tổ chức kiểm toán, tư vấn cổ phần hóa	746.000.000
1	Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp (lần 1 và lần 2)	290.000.000
2	Chi phí kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	66.000.000
3	Chi phí lập phương án CPH, xây dựng điều lệ,...	60.000.000
4	Chi phí lập hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu	20.000.000
5	Chi phí bán đấu giá qua Sở giao dịch chứng khoán (*)	300.000.000
6	Chi phí đại hội cổ đông lần đầu	10.000.000
III	Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc cổ phần hóa	253.000.000
1	Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa (11 tháng x 8 người x 1.500.000 đồng)	132.000.000
2	Thù lao Tổ giúp việc (11 tháng x 11 người x 1.000.000 đồng)	121.000.000
IV	Chi phí khác	60.000.000
1	Chi phí lập hồ sơ bàn giao chuyển sang Công ty cổ phần và các chi phí phát sinh khác có liên quan	60.000.000
	Tổng cộng:	1.114.000.000

Ghi chú:

(*) Căn cứ Thông tư số 241/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần, lệ phí bán đấu giá cổ phần là 0,3% trên tổng giá trị cổ phần/mỗi loại chứng khoán thực tế bán được, tối đa là 300 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần và tối thiểu là 20 triệu đồng/1 cuộc đấu giá/mỗi loại chứng khoán. Trên cơ sở đó, chi phí tạm tính bán đấu giá cổ phần qua SGDCK Tp.HCM như sau: SLCP bán đấu giá x giá chào bán dự kiến x 0,3% = 18.348.200 x 14.300 x 0,3% = 787.137.780 đồng. Như vậy, chi phí bán đấu giá qua SGDCK theo mức tối đa là 300.000.000 đồng.

Căn cứ quy định tại Khoản 6 Điều 2 Thông tư số 41/2018/TT-BTC và thực tế phát sinh tại đơn vị, Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk sẽ có văn bản trình Ban chỉ đạo, báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, phê duyệt. Chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.



7.2. Quản lý và sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Để thuận tiện cho công tác tính toán, Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk giả định bán thành công cho nhà đầu tư đại chúng bằng giá chào bán ở mức tối thiểu 14.300 đồng/cổ phần, là mức giá đấu giá tối thiểu dự kiến. Với đặc điểm và quy mô của đợt phát hành nêu trên số tiền thu được từ đợt cổ phần hóa dự kiến như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
A	Vốn điều lệ công ty cổ phần	315.200.000.000
B	Giá trị sổ sách phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 01/07/2017 (sau khi xử lý tài chính)	315.206.983.748
C	Tiền thu từ cổ phần hóa (dự kiến):	284.039.640.000
-	<i>Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo thâm niên công tác tại khu vực Nhà nước (Giá bán: 6.000 đ/cp)</i>	3.048.000.000
-	<i>Bán cổ phần cho người lao động cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần (Giá bán: 14.300 đ/cp)</i>	18.112.380.000
-	<i>Bán cho tổ chức công đoàn (Giá bán: 10.000 đ/cp)</i>	500.000.000
-	<i>Bán đấu giá công khai (Giá bán: 14.300 đ/cp)</i>	262.379.260.000
D	Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho người lao động, công đoàn và bán đấu giá công khai	201.728.000.000
E	Chênh lệch giữa giá trị sổ sách phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ công ty cổ phần (E)=(B)-(A)	6.983.748
F	Chi phí cổ phần hóa của doanh nghiệp	1.114.000.000
G	Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư	1.549.260.520
@	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp = [(C)+(E)] - [(F)+(G)]	281.383.363.228

Công ty sẽ nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 13 Thông tư 40/2018/TT-BTC với tổng số tiền dự kiến thu được là **281.383.363.228 đồng**.



PHẦN III.

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Phương án tổ chức Công ty

Sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk dự kiến như sau:

1.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền.

1.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý CTCP Cấp nước Đắk Lắk, có toàn quyền nhân danh CTCP Cấp nước Đắk Lắk để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của CTCP Cấp nước Đắk Lắk không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có tối thiểu là 03 thành viên và không quá 11 thành viên, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành với các thành viên không điều hành và thành viên độc lập, trong đó tối thiểu 1/5 (một phần năm) tổng số thành viên là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

1.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành, thực trạng tài chính của CTCP Cấp nước Đắk Lắk và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.



Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, trong đó có hơn một nửa tổng số thành viên thường trú tại Việt Nam. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm; các thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, nhiệm kỳ và số lượng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Ban Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc phải tuân theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự kiến gồm 04 thành viên, cụ thể như sau: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Quản lý đầu tư xây dựng và tư vấn dự án đầu tư.

1.5. Các phòng ban chức năng

Các phòng ban chức năng của CTCP Cấp nước Đắk Lắk được giữ nguyên và thực hiện các chức năng tương tự như trước cổ phần hóa, bao gồm các phòng ban như sau:

- Phòng Tổ chức – Hành chính;
- Phòng Pháp chế - Thanh tra;
- Phòng Kế toán – Tài vụ;
- Phòng Quản lý mạng lưới cấp nước;
- Phòng Kỹ thuật;
- Phòng Quản lý và Phát triển khách hàng;
- Phòng Kế hoạch – Vật tư;
- Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Phòng Thu tiền nước;
- Phòng Chống thất thoát nước;
- Ban Quản lý dự án cấp nước.

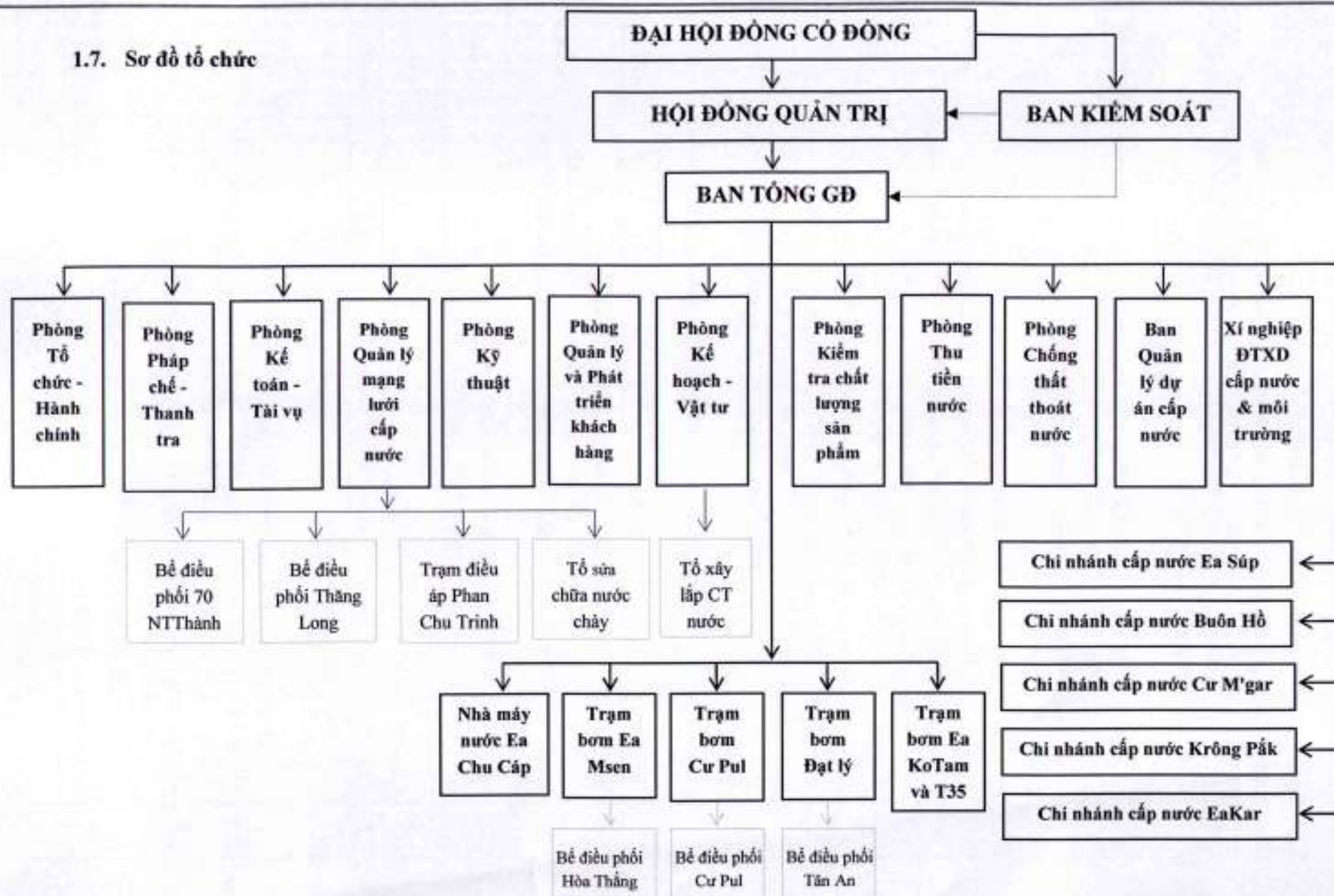
1.6. Các đơn vị trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc của CTCP Cấp nước Đắk Lắk được giữ nguyên và thực hiện các chức năng tương tự như trước cổ phần hóa, cụ thể bao gồm:

- Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng Cấp nước và Môi trường;
- Các chi nhánh cấp nước: Ea Súp, Buôn Hồ, Cư M'gar, Krông Pắc, EaKar;
- Các trạm bơm nước: Ea Msen, Cư Pul, Đạt lý, Ea KoTam và T35;
- Nhà máy nước Ea Chu Cấp.



1.7. Sơ đồ tổ chức





2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

Công ty tiếp tục duy trì ngành nghề kinh doanh hiện tại sau cổ phần hóa cụ thể:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. <i>Chi tiết:</i> - Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất và mua bán nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.	3600 (Chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. <i>Chi tiết:</i> - Thiết kế công trình cấp, thoát nước; - Quản lý, kiểm tra và giám định chất lượng công trình xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án công trình xây dựng, công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm: công trình cấp, thoát nước, xử lý nước thải, bãi chôn chất thải, nhà máy xử lý rác thải; - Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cấp, thoát nước; - Lập báo cáo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật dự toán công trình xây dựng dân dụng, cấp, thoát nước, xử lý nước thải; - Khảo sát địa chất công trình, khảo sát và thiết kế khai thác mỏ khoáng sản; - Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, thủy lợi, công trình cấp, thoát nước.	7110
3	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết:</i> Mua bán các loại vật tư chuyên ngành cấp thoát nước, xử lý nước thải và rác thải các loại; Các loại máy bơm, thiết bị trong lĩnh vực cấp, thoát nước	4663
5	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết:</i> Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	1104
6	Chuẩn bị mặt bằng <i>Chi tiết:</i> San ủi mặt bằng xây dựng	4312
7	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
8	Xây dựng công trình công ích <i>Chi tiết:</i> - Khoan thăm dò và khai thác nước ngầm; - Thi công và lắp đặt các công trình đường ống cấp, thoát nước; Thi công xây dựng kênh mương, rãnh thoát nước; - Xây dựng trạm bơm, hồ, đập, bể chứa, công trình vệ sinh môi trường và xử lý chất thải rắn; - Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước; - Xây dựng và lắp đặt hệ thống điện dân dụng, hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại, xử lý và tiêu hủy rác thải y tế và rác thải không độc hại khác.	4220



2.1. Triển vọng phát triển

a. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đảng ủy khối Doanh nghiệp, các Cơ quan, Ban ngành và chính quyền địa phương tạo điều kiện để Công ty phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Sự đoàn kết nhất trí cao trong Ban chấp hành Đảng bộ, Ban giám đốc, Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty phần lớn có năng lực và kinh nghiệm trong thực tế, cơ bản đáp ứng nhu cầu xây dựng Công ty phát triển bền vững.
- Nhu cầu sử dụng nước sạch sinh hoạt của người dân ngày càng tăng, thuận lợi cho tốc độ phát triển tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Lực lượng cán bộ có trình độ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyên môn, có kinh nghiệm trong công tác quản lý cũng như điều hành sản xuất.

b. Khó khăn

- Trong những tháng mùa khô hạn hán kéo dài, nguồn nước thiếu hụt trầm trọng, làm ảnh hưởng đến quản lý, phân phối, đến người tiêu dùng; Trạm sản xuất nước lại phân tán nhỏ lẻ, nằm trên diện tích rộng; Định mức lao động, chi phí sản xuất cao, tỷ lệ nước thất thoát còn nhiều biến động chưa ổn định.
- Do đặc thù Công ty vừa sản xuất, vừa tiêu thụ sản phẩm, không có sản phẩm tồn kho dự trữ, mùa mưa nguồn nước dồi dào thì nhu cầu sử dụng ít, ngược lại mùa khô nguồn nước giảm nhu cầu sử dụng lại tăng.
- Giá thành nước còn thấp không đảm bảo cho Công ty tái đầu tư mở rộng nhà máy; Quy trình thẩm định, phê duyệt giá bán nước máy kéo dài dẫn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm chưa theo kế hoạch đề ra, làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Việc chỉnh trang đô thị, mở rộng các tuyến đường, thi công hệ thống thoát nước đô thị tại TP. Buôn Ma Thuột, các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ trong Tỉnh ảnh hưởng đến công tác vận hành, quản lý mạng lưới.

2.2. Định hướng phát triển Công ty

2.2.1. Chiến lược phát triển của Công ty sau cổ phần hóa

Công ty đặt ra các mục tiêu cơ bản cho chiến lược phát triển sau khi chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần như sau:

- Thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định trong hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa;
- Đảm bảo việc cấp nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đảm bảo nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước;



- Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên thống nhất, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch được giao;
- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty;
- Tạo sự chuyển biến căn bản về phương thức tổ chức quản lý và quản trị doanh nghiệp, chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần đa sở hữu;
- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, Công ty, Người lao động và các cổ đông khác; phát huy vai trò trung tâm kinh tế, ứng dụng khoa học, công nghệ, văn hóa đối với nhân dân trong vùng, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương nơi Công ty hoạt động.

2.2.2. Các giải pháp cần thực hiện

Các Phòng, Ban chuyên môn, Chi nhánh và bộ phận sản xuất trực thuộc Công ty cần tập trung thực hiện các chỉ tiêu đã xây dựng, phân đầu hoàn thành nhiệm vụ chính trị và kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Trong đó:

a. Công tác Tổ chức:

- Thường xuyên quan tâm đến công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, nơi sản xuất, bố trí lao động theo đúng yêu cầu sản xuất.
- Tổ chức quản lý, phân công, bố trí và luân chuyển cán bộ của các bộ phận theo yêu cầu sản xuất, bảo đảm hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Định kỳ xét nâng lương cho CBCNV đúng kỳ hạn, đồng thời phải tổ chức thi tay nghề nâng bậc cho công nhân có đủ điều kiện và thời gian công tác.
- Công tác tuyển dụng phải căn cứ vào nhu cầu sản xuất tại Công ty và nhu cầu để quản lý, vận hành Dự án cấp nước 35.000 m³/ngày đêm và 03 huyện, cần chú trọng đến chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng con người để phục vụ công việc có hiệu quả.
- Công tác thi đua khen thưởng phải được tổng kết nêu gương kịp thời để động viên người lao động tích cực tham gia hoạt động SXKD và các phong trào quần chúng.
- Theo dõi, kiểm tra và hoàn thiện hồ sơ giấy tờ chủ quyền sử dụng đất toàn Công ty, đảm bảo đúng theo pháp luật quy định; Kiểm tra, rà soát, sửa đổi, bổ sung nội quy lao động, quy chế cho phù hợp với Luật lao động và điều kiện sản xuất kinh doanh tại Công ty.

b. Công tác Kế hoạch:

- Xây dựng kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty phù hợp với tình hình phát triển của Doanh nghiệp. Hàng năm xây dựng đơn giá tiền lương đúng theo quy định của Nhà nước, xây dựng giá thành nước kịp thời theo kế hoạch đề ra, hàng tháng phải lập kế hoạch và đánh giá tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SXKD để làm cơ sở điều chỉnh hoạt động sản xuất phù hợp với tình hình thực hiện tại Công ty. Theo dõi công tác đầu tư XDCB và thi công HTN cho khách hàng đúng theo quy định.



- Cung ứng vật tư thiết bị, cần được chú trọng nguồn cung ứng đảm bảo chất lượng, số lượng và giá cả hợp lý. Cung ứng vật tư thiết bị phải căn cứ nhu cầu sử dụng thực tế và kế hoạch SXKD, không cung ứng vật tư kém chất lượng.

c. Công tác Kế toán - Tài vụ:

- Quan tâm, chú trọng các số liệu kế toán, quản lý, bảo toàn vốn và tài sản doanh nghiệp theo đúng chế độ Nhà nước quy định. Quyết toán tài chính Doanh nghiệp hàng quý, hàng năm kịp thời. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước và các chế độ đối với người lao động, tránh những sai sót trong công tác thu chi tài chính, kiểm tra đối chiếu công nợ, thu hồi công nợ kịp thời, đối chiếu thanh quyết toán các công trình xây lắp đã thực hiện. Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng... đúng với quy định Nhà nước.
- Cân đối các nguồn vốn, bố trí vốn đối ứng cho dự án 35.000m³/ngày đêm, vốn đầu tư phát triển, cải tạo và đầu tư khác của Công ty theo kế hoạch đã xây dựng.

d. Công tác Kỹ thuật:

- Xây dựng kế hoạch và thường xuyên quan tâm đến công tác bảo dưỡng máy móc thiết bị, phát hiện những hư hỏng để sửa chữa kịp thời không để sản xuất gián đoạn, theo dõi quản lý sản xuất nước tại các trạm bơm phải chặt chẽ đúng theo quy trình, quy phạm trong việc vận hành. Từng bước ứng dụng thay thế các thiết bị tiên tiến vào dây chuyền sản xuất nước của Công ty một cách hợp lý và có hiệu quả.
- Công tác giám sát thi công xây dựng phải đúng, đủ và thực hiện đúng trình tự xây dựng cơ bản Nhà nước quy định.
- Trong công tác khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình phải chú trọng đến khâu khảo sát hiện trường tránh sai sót, đảm bảo chất lượng, tiến độ, kỹ, mỹ thuật công trình và theo quy trình quản lý chung của Công ty. Từng bước xây dựng lắp đặt đồng hồ theo dõi, kiểm soát mạng lưới bằng các thiết bị công nghệ để mang lại hiệu quả trong điều hành sản xuất.

e. Công tác Quản lý mạng lưới – Chống thất thoát:

- Công tác quản lý mạng lưới cấp nước phải an toàn, đảm bảo cấp nước liên tục 24/24 giờ trong ngày (trừ những ngày tháng mùa thiếu nước), kiểm tra, bảo trì các thiết bị trên mạng lưới cấp nước, thông tắc tuyến ống và các cụm đồng hồ của khách hàng kịp thời. Bố trí công nhân trực thường xuyên theo dõi các vị trí thi công mở rộng các tuyến đường, thi công công trình thoát nước đang triển khai trên địa bàn thành phố, để sửa chữa nước chảy kịp thời góp phần chống thất thoát nước có hiệu quả.
- Theo dõi, phục hồi các cụm van trên mạng lưới cấp nước để phục vụ công tác vận hành, sửa chữa, điều phối nước khi cần thiết.
- Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ các họng cửa hòa tại thành phố Buôn Ma Thuột để đảm bảo việc cấp nước cho công tác phòng cháy chữa cháy trên địa bàn thành phố.



- Công tác chống thất thoát nước tiếp tục hoàn thiện phần vùng kiểm soát, tăng cường công tác dò tìm nước chảy vào ban đêm, sửa chữa những điểm chảy kịp thời; Đưa ra các giải pháp trong việc chống thất thoát nước, đề xuất phương án cụ thể theo nhiệm vụ, chức năng của phòng phần đầu giảm tỷ lệ thất thoát theo kế hoạch.

f. Công tác chăm sóc giao dịch khách hàng:

- Công tác quản lý và chăm sóc khách hàng là sự cần thiết trong hoạt động SXKD. Thường xuyên quan tâm đến khách hàng trong việc ký kết và điều chỉnh các hợp đồng tiêu thụ nước đúng đối tượng, chia sẻ những rủi ro với khách hàng. Ghi chính xác, kịp thời đúng chu kỳ, không ghi khoán, ghi lố,... Quản lý thu tiền nước chặt chẽ không tồn đọng, chiếm dụng vốn, mất mát. Ghi đúng chỉ số đồng hồ nước, thu đủ tiền, đúng thời hạn là một biện pháp hữu hiệu nhất đối với công tác quản lý khách hàng.
- Không ngừng cải tiến các thủ tục hành chính trong công tác giao dịch với khách hàng nhằm từng bước xây dựng hình ảnh Công ty thân thiện và được khách hàng tin tưởng.

g. Công tác Pháp chế - Thanh tra:

- Tham mưu về các văn bản pháp luật, các nội quy, quy chế nội bộ Công ty. Thanh kiểm tra khách hàng sử dụng nước bất hợp pháp, tự ý di dời đồng hồ nước và các công việc được phân công theo chức năng, nhiệm vụ và có biện pháp xử lý nghiêm minh đối với các khách hàng vi phạm.
- Tham gia giải quyết các tranh chấp, khiếu nại có liên quan đến khách hàng sử dụng nước theo quy định của pháp luật.

h. Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Tăng cường kiểm tra chất lượng nước tại đầu nguồn, trên mạng lưới, để đảm bảo nguồn nước với chất lượng nước đạt theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế và chất lượng dịch vụ cấp nước sạch sinh hoạt bảo đảm theo yêu cầu của người tiêu dùng. Có kế hoạch thực hiện kiểm định đồng hồ khách hàng theo thời gian quy định (đồng hồ 60 tháng trở lên) để giảm tỷ lệ thất thoát nước qua đồng hồ.

i. Công tác quản lý và sản xuất các Chi nhánh - Trạm sản xuất:

- Công tác quản lý và sản xuất các Chi nhánh trực thuộc tăng cường các biện pháp chống thất thoát, thất thu tại Chi nhánh, công tác ghi thu phải chính xác, kịp thời và nộp tiền đúng thời gian quy định tránh trường hợp chiếm dụng vốn làm ảnh hưởng đến tài chính của Công ty. Có kế hoạch và lịch trình bơm sản xuất nước phù hợp, tránh giờ cao điểm để tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ hạng mục họng cửa hóa tại chi nhánh để đảm bảo việc cấp nước cho công tác phòng cháy chữa cháy trên địa bàn.
- Đối với Trạm sản xuất nước thực hiện nghiêm chỉnh quy trình kỹ thuật về vận hành máy móc thiết bị, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, phục vụ công tác sản xuất nước.



- Các ca trực phải tuyệt đối chấp hành đúng quy định lịch trực ca, bảo vệ an toàn tài sản, thiết bị, công tác an ninh trật tự trong trạm và các giếng khoan đang quản lý. Thực hiện nội quy ATLĐ trong ca trực, giờ giấc làm việc nghiêm túc theo nội quy, quy chế Công ty.

j. Công tác triển khai Dự án cấp nước:

- Khẩn trương triển khai các công việc theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cũng như ADB chấp thuận, để sớm tiến hành các thủ tục đảm bảo tiến độ dự án, nhằm bổ sung nguồn nước cho thành phố Buôn Ma Thuột và nhân dân 03 huyện được sử dụng nguồn nước sạch sinh hoạt.
- Thường xuyên cập nhật các Thông tư, Nghị định, hướng dẫn để phục vụ cho công tác chuyên môn và thực hiện đúng trình tự xây dựng cơ bản Nhà nước quy định.
- Phối hợp cùng với chính quyền địa phương, sớm giải quyết dứt điểm công tác đền bù GPMB, để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ.
- Rà soát các thủ tục, làm việc với Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh được vay nguồn vốn từ quỹ để giải ngân phần vốn đối ứng cho dự án.

k. Công tác xây lắp nước - Xí nghiệp ĐTXD Nước và Môi trường:

- Tổ xây lắp nước: Thực hiện thi công các công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình, quyết toán kịp thời để thu hồi vốn. Tích cực tìm kiếm việc làm, nhằm nâng cao giá trị sản lượng xây lắp.
- Xí nghiệp ĐTXD Nước và Môi trường: Sắp xếp lại mô hình hoạt động cho phù hợp với tình hình hoạt động chung của Công ty, tích cực trong công tác thu hồi công nợ.

2.3. Kế hoạch kinh doanh của Công ty 3 năm sau cổ phần hóa

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh các năm trước cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, chiến lược phát triển Công ty sau cổ phần hóa nêu trên, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2019 - 2021 với các chỉ tiêu như sau:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	23	25	28
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	315,2	315,2	315,2
3	Tổng số lao động	Người	448	455	465
4	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	76,0	79,8	81,4
5	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Triệu đồng	14,2	14,6	14,6
6	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	150	159	169
7	Tổng chi phí (đã bao gồm lương)	Tỷ đồng	142	149	157
8	Lợi nhuận thực hiện	Tỷ đồng	8	10	12



Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
9	Thuế TNDN (20%)	Tỷ đồng	1,6	2,0	2,4
10	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,4	8,0	9,6
11	Cổ tức (%/Vốn điều lệ)	%	1,30	1,62	1,95

Nguồn: Kế hoạch kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa ký ngày 10/12/2018 của DAKWACO.

3. Phân tích các rủi ro dự kiến

3.1. Rủi ro kinh tế

Sự vững mạnh ổn định của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của các doanh nghiệp nói chung và công ty cổ phần nói riêng.

Sự biến động của các chính sách tiền tệ trên thế giới trong giai đoạn hậu khủng hoảng tài chính năm 2008 bắt nguồn từ Mỹ, như cuộc khủng hoảng chính trị-tài chính ở Hy Lạp, hay việc mở rộng biên độ dao động của tỷ giá Trung Quốc thời gian gần đây đã tác động khá lớn đến sự phát triển của hầu hết các nước trên thế giới và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Ngoài ra, sự hồi phục kinh tế không đồng đều giữa các khu vực và chưa có dấu hiệu rõ nét khiến cho tình hình giá cả thị trường giao dịch các hàng hóa như cao su, dầu mỏ, khí đốt,... biến động về biên độ rộng khiến môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh tăng thêm độ rủi ro vốn có.

Việt Nam là nền kinh tế thị trường nên chịu ảnh hưởng không nhỏ từ sự biến động nền kinh tế thế giới. Điều này phản ánh rõ nét qua sự thay đổi tốc độ tăng trưởng GDP, CPI qua các năm trước và sau khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực. Giai đoạn 2014 – 2017 GDP có sự tăng trưởng đáng kể, năm 2014 đạt 5,98%, năm 2015 đạt 6,68%, năm 2016 đạt 6,21% và năm 2017 đạt 6,81%. Tỷ lệ lạm phát được kiểm soát tốt ở mức 4,74% năm 2016 và dưới 4% năm 2017. Dự báo GDP giai đoạn 2018 – 2020 sẽ tiếp tục khả quan. Nền kinh tế được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tốt nhờ các yếu tố tích cực như cải cách mạnh mẽ, tái cơ cấu toàn diện nền kinh tế, hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Sự phục hồi của nền kinh tế trong nước trong giai đoạn 2015 – 2017 và những dự báo tích cực về sự tăng trưởng tốt nhờ các yếu tố tích cực như cải cách mạnh mẽ, tái cơ cấu toàn diện nền kinh tế, hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Qua đó, các hoạt động thoái vốn, IPO, ... cũng diễn ra mạnh mẽ, tạo sự đa dạng trong việc lựa chọn đầu tư cho các nhà đầu tư, tuy nhiên cũng tạo áp lực và bất lợi cho nhiều doanh nghiệp có tình hình hoạt động kém hiệu quả dẫn tới IPO không thành công.



3.2. Rủi ro pháp lý

Tình ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (Luật doanh nghiệp, Luật đất đai, Luật Thương mại, ...). Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3.3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro từ biến đổi khí hậu và tác động xâm hại đến nguồn nước cung cấp cho các nhà máy trạm bơm như ô nhiễm, cạn kiệt,... Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô (kể cả nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm) ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý nước và có thể phải tạm ngưng trong những khoảng thời gian nhất định. Hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước cao. Hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngầm. Đặc biệt, hoạt động khai thác cát sạn trên sông, hồ nhất là trong khi vực bảo vệ nguồn nước có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Những năm gần đây, biến đổi khí hậu hết gây những ảnh hưởng xấu, mùa khô kéo dài, nguồn nước bị thiếu hụt, ô nhiễm có thể ảnh hưởng đến nguồn nước thô cung cấp.

Rủi ro thất thoát nước: tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước là khá cao. Công ty cần nỗ lực triển khai nhiều giải pháp nhằm kiểm soát và hạ tỷ lệ thất thoát nước.

3.4. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất, ...), hỏa hoạn,...

4. Phương án sắp xếp lại lao động

Căn cứ Thông tư số 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01/08/2018 của Bộ Lao Động Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của Công ty và nhu cầu lao động của Công ty sau cổ phần hóa, phương án sắp xếp lao động của Công ty sau cổ phần hóa như sau:



STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm xác định GTDN cổ phần hóa	367
1	Số lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	0
2	Số lao động làm việc theo HĐLĐ	367
	a) HĐLĐ không xác định thời hạn	305
	b) HĐLĐ từ 12 tháng đến 36 tháng	62
	c) HĐLĐ dưới 12 tháng hoặc theo mùa vụ	0
II	Số lao động sẽ nghỉ việc	31
1	Số lao động sẽ nghỉ hưu	5
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	4
3	Số lao động không thể bố trí được việc làm và phải chấm dứt HĐLĐ	22
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	336
1	Số lao động tiếp tục sử dụng	336
2	Số lao động đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng	0
3	Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian	0

Nguồn: Phương án sử dụng lao động của ĐAKWACO.

5. Phương án sử dụng đất

Theo hiện trạng quản lý sử dụng đất và nhu cầu sử dụng đất của Công ty khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty đã có Tờ trình số 243/CNĐT XD-KH ngày 11/07/2018 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk và Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk để đề nghị thẩm định và phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk. Đến ngày 17/08/2018, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk chính thức ban hành Quyết định số 1965/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk như sau:

- Công ty giữ lại 67 khu đất với tổng diện tích là 189.519,80 m² tại thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 9 huyện để sử dụng vào mục đích: Văn phòng làm việc, trạm bơm, trạm thu nước ngầm, giếng khoan, nhà máy xử lý nước.
- Hình thức: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.

Phương án sử dụng đất cụ thể theo Phụ lục đính kèm Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 như sau:



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BĐ	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
1	TP. Buôn Ma Thuột				60.252,5				
1	Trạm bơm Phan Chu Trinh và bể chứa nước	P. Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		2.100	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1091/QĐ-UB ngày 17/12/1983	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
2	Giếng thu nước và trạm bơm CưPul	Xã Ea Tu, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		12.025	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 838/QĐ-UB ngày 03/5/1996	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
3	Trạm bơm và bể chứa nước Đạt Lý	Xã Hòa Thuận, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		625	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 2949/QĐ-UB ngày 08/11/2000	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	Bể chứa nước Tân An	P. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		2.098	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1457/QĐ-UB ngày 19/6/1999	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
5	06 G/Khoan TB Đạt Lý	Xã Hòa Thuận, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		720	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 2950/QĐ-UB ngày 8/11/2000	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
6	Bể nước Thăng Long	P. Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		1.130,6	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1458/QĐ-UB ngày 19/6/1999	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
7	Trạm bơm tăng áp và bể chứa Hòa Thắng	Xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		1.942	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 41/QĐ-UB ngày 04/01/2001	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
8	04 G/Khoan và trạm bơm Hòa Thắng	Xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		480	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 2951/QĐ-UB ngày 11/8/2000	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp



STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BĐ	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
9	Trạm bơm tăng áp và bể chứa nước CuPul	Xã Eatu, Tp. Buôn Ma Thuột	Sơ đồ lô đất		2.652,7	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1456/QĐ-UB ngày 19/6/1999	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
10	Trụ sở Công ty	P. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột	22	107	6.774	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1622/QĐ-UBND ngày 01/7/2010	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất thương mại, dịch vụ
11	02 bể chứa số 70 Nguyễn Tất Thành	P. Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột	1	15	4.239,9	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1460/QĐ-UBND ngày 12/6/2015	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
12	03 G/Khoan TB Đạt Lý	P. Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột	43, 65, 66	80, 39, 5	90	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 02/6/2006	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
13	Trạm bơm tăng áp P. Ea Tam	P. Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột	129	437	3.381,5	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1033/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
14	Trạm bơm Ea Côtam và hồ thu nước số 1	Xã Eatu, Tp. Buôn Ma Thuột	8	47	21.993,8	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
II	Thị xã Buôn Hồ				15.072,1				
1	Văn phòng CN Buôn Hồ	P. Đạt Hiếu, TX. Buôn Hồ	41	113	2.161,4	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất thương mại, dịch vụ
2	G/Khoan BH7	P. Đạt Hiếu, TX. Buôn Hồ	35	56	129,9	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
3	G/Khoan BH8	P. Đạt Hiếu, TX. Buôn Hồ	41	47	145,8	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	Trạm xử lý nước mặt	P. Bình Tân, TX. Buôn Hồ	Sơ đồ lô đất		6.349	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
5	Trạm xử lý nước ngầm	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	23	6,9, 316, 317, 320, 321	2.900	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
6	Đường vào trạm thu nước ngầm giếng DS18	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	22	95, 96	368,6	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
7	Trạm thu nước ngầm giếng DS12	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	21	63	517,2	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
8	Trạm thu nước ngầm giếng DS04 và đường vào trạm thu nước ngầm giếng DS04	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	21	41	538,6	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
9	Trạm thu nước ngầm giếng DS02	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	21	45	45,5	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
10	Trạm thu nước ngầm giếng DS19 và đường vào trạm thu nước ngầm giếng DS19	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	22	10, 11, 14	381,2	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
11	Trạm thu nước ngầm giếng DS09 và đường vào trạm thu nước ngầm giếng DS09	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	21	53	63,9	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
12	Trạm thu nước mặt Hồ Hợp Thành và đường vào trạm thu nước mặt Hồ Hợp Thành	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	26	280	563,5	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
13	Trạm thu nước ngầm giếng DS15 và đường vào trạm thu nước ngầm giếng DS15	P. Thống Nhất, TX. Buôn Hồ	21	137, 138	69,5	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
14	Trạm thu nước mặt Hồ Nam Hồng và đường vào trạm thu nước mặt Hồ Nam Hồng	P. Bình Tân, TX. Buôn Hồ	35	104	838	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
III	Huyện Krông Pắc				53478,80				
1	G/Khoan KP20 TBom 35	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	5	333	106,5	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1366/QĐ-UB ngày 17/10/1995	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BĐ	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
2	06 G/Khoan TBom 35	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	19, 16	251, 252, 253, 254, 304, 269	1.277,3	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 863/QĐ-UB ngày 04/5/1996	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
3	04 G/Khoan TBom 35	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc			448,5	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 2946/QĐ-UB ngày 08/11/2000	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	G/Khoan KP23	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	15	107	120,9	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
5	G/Khoan TL2-7	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	27	163	116,7	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
6	Văn phòng; trạm bơm, bể thu, bể chứa nước, khu xử lý chi nhánh Krông Pắc	TT. Phước An, H. Krông Pắc	11	93	7.250,5	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất thương mại, dịch vụ; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
7	Hồ thu nước số 2, số 3 thuộc trạm bơm Ea Côtam	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	8	47	42.077,5	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
8	Hồ thu nước số 4 thuộc trạm bơm Ea Côtam	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	9	155	1.817,1	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cơ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cơ phần hóa
9	G/Khoan KP-21	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	5	332	117	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
10	G/Khoan TL2-14	Xã Hòa Đông, H. Krông Pắc	26	224	146,8	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
IV	Huyện Krông Buk				1.090,4				
1	G/Khoan BH0	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	32	96	115,8	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
2	G/Khoan BH1	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	32	38	66,6	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
3	G/Khoan BH2	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	68	53	122,2	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	G/Khoan BH3	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	62	37	115,9	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
5	G/Khoan BH4	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	75	193	134,7	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
6	G/Khoan BH5	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	67	67	121	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp



STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BĐ	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
7	G/Khoan BH6	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	73	39	104,6	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
8	G/Khoan BH11	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	75	315	111,8	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
9	G/Khoan BH12	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	82	393	80,4	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
10	G/Khoan BHdp	Xã Pong Drang, H. Krông Búk	32	3	117,4	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
V	Huyện Cư M'gar				4.321,0				
1	03 Giếng khoan và trạm Bơm Cư M'gar	Thị trấn Ea Pôk, H. Cư M'gar	8, 9, 10	393, 197, 451	319	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1302/QĐ-UBND ngày 14/6/2007	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
2	Văn phòng CN Cư M'gar	TT Quảng Phú, H. Cư M'gar	13	367	1.612	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1673/QĐ-UBND ngày 20/7/2007	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất thương mại, dịch vụ
3	Bể chứa, nhà quản lý, nhà HC CN Cư M'gar	TT Ea Pôk, H. Cư M'gar	24	123, 124	1.483	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1675/QĐ-UBND ngày 20/7/2007	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	Giếng khoan trạm bơm CN Cư M'gar	TT Quảng Phú, H. Cư M'gar	8	171	215	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 50/QĐ-UBND ngày 10/01/2011	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp



STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
5	Giếng khoan trạm bơm CN Cư M'gar	TT Ea Pôk, H. Cư M'gar	11, 8	258, 260, 259, 394	492	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1674/QĐ-UBND ngày 20/7/2007	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
6	02 Giếng khoan, trạm bơm Cư M'gar	TT. Ea Pôk, H. Cư M'gar	3	676	200	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
VI	Huyện Cư Kuin				6.374,9				
1	Trạm bơm EaM'Sen	Xã Ea Ktur, H. Cư Kuin	Sơ đồ lô đất		2.357	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1953/QĐ-UB ngày 29/8/2000	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
2	G/Khoan TL2-3, Ea M'Sen	Xã Ea Ktur, H. Cư Kuin	Sơ đồ lô đất		120	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1952/QĐ-UB ngày 29/8/2000	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
3	G/Khoan TL2-1, Ea M'Sen	Xã Ea Ktur, H. Cư Kuin	Sơ đồ lô đất		120	UBND tỉnh giao đất	QĐ số 1951/QĐ-UB ngày 29/8/2000	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	Trạm bơm Ea Chu Cấp	Xã Ea Ktur, H. Cư Kuin	11	4704	3.777,9	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 2173/QĐ-UBND ngày 18/10/2013	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
VII	Huyện Ea Kar				7.263,6				
1	Trạm xử lý nước EaKar	Xã Ea Kmút, H. Ea Kar	74	52	7.081,2	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1186/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
2	Văn phòng Chi nhánh Ea Kar	TT. EaKar, H. Ea Kar	115	46	167,2		chưa lập thủ tục đất đai	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất thương mại, dịch vụ
3	Giếng khoan Ea Kar	TT. EaKar, H. Ea Kar	89		15,2		chưa lập thủ tục đất đai	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
VIII	Huyện Krông Ana				25.921,2				
1	Nhà máy xử lý nước huyện Krông Ana	Xã Ea Na, H. Krông Ana	1034		20.170,2	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 3446/QĐ-UBND ngày 18/11/2016	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
2	Trạm bơm nước thô huyện Krông Ana	Xã Ea Na, H. Krông Ana	33		5.751	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 1536/QĐ-UBND ngày 23/6/2017	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
IX	Huyện Buôn Đôn				7.350,4				
1	Trạm bơm nước thô huyện Buôn Đôn	Xã Ea Wer, H. Buôn Đôn	106	38	1.113	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 2407/QĐ-UBND ngày 17/8/2016	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
2	Nhà máy cấp nước huyện Buôn Đôn	Xã Ea Wer, H. Buôn Đôn	12	215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223	6.237,4	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 806/QĐ-UBND ngày 19/4/2018	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tờ BD	Thửa	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
X	Huyện Ea Súp				2.044,00				
1	Văn phòng, nhà QL vận hành CN Ea Súp	TT. Ea Súp, H. Ea Súp			2.044	chưa lập thủ tục đất đai		Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất thương mại, dịch vụ
XI	Huyện Krông Năng				6.350,9				
1	Nhà máy xử lý nước huyện Krông năng	TT. Krông Năng, H. Krông Năng	80	46	6.350,9	UBND tỉnh cho thuê đất	QĐ số 2061/QĐ-UBND ngày 12/7/2016	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm.	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
Tổng	67	Công trình	Diện tích:		189.519,8	m²			

Nguồn: Phụ lục về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa DAKWACO đính kèm Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk.



6. Kế hoạch đăng ký giao dịch hoặc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

Theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 như sau:

- Khi lập hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa đồng thời phải lập hồ sơ đăng ký lưu ký và hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên Thị trường chứng khoán (nếu doanh nghiệp cổ phần hóa đủ điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán).
- Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Trên cơ sở đó, Công ty sẽ chịu trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo đúng quy định hiện hành.

7. Kết luận và kiến nghị

Việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường hoạt động, thu hút vốn đầu tư và nâng cao năng lực quản trị của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk. Kính trình Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư Xây dựng Đắk Lắk để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng quy định của Nhà nước.





PHẦN IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành dự kiến (Ngày)
1	Phê duyệt Phương án cổ phần hóa.	D
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho Nhà đầu tư bên ngoài.	D+1 – D+41
3	Xử lý cổ phần không bán hết (nếu có).	D+37 – D+56
4	Tổ chức bán cổ phần cho người lao động và Công đoàn.	D+37 – D+56
5	Tổng hợp kết quả chào bán cổ phần để báo cáo Cơ quan đại diện Chủ sở hữu vốn Nhà nước.	D+57 – D+61
6	Cơ quan đại diện Chủ sở hữu vốn Nhà nước quyết định quy mô, cơ cấu cổ phần và cử người đại diện phần vốn Nhà nước.	D+62 – D+72
7	Tổ chức ĐHĐCĐ thành lập thông qua Điều lệ, bầu HĐQT, BKS và thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh.	D+73 – D+86
8	Làm thủ tục ĐKKD và đăng ký dấu mới cho công ty cổ phần.	D+87 – D+89
9	Tổ chức ra mắt công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.	D+90 – D+94
10	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	D+90 – D+180
11	Bàn giao tài sản, vốn, danh sách lao động và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho HĐQT công ty cổ phần.	D+90 – D+180
12	Hoàn tất đăng ký công ty đại chúng tại UBCKNN, đăng ký lưu ký tại TTLKCK, đăng ký giao dịch tại SGDC Hà Nội.	D+181 – D+210

PHẦN V. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN

(Đính kèm theo Phương án cổ phần hóa)

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 12 năm 2018

TM. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN



Đinh Xuân Diệu